



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Thừa Thiên Huế

Số 08

Ngày 26 tháng 02 năm 2018

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

	Trang
09-02-2018 Quyết định số 11/2018/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp giữa Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh với các sở, ban ngành và UBND các huyện, thị xã trong công tác quản lý nhà nước tại Khu kinh tế, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.	03
09-02-2018 Quyết định số 12/2018/QĐ-UBND về việc bãi bỏ Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 16/9/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.	27
09-02-2018 Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ban hành “Quy định một số chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2017 - 2020”	28

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN

05-02-2018 Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân huyện Phong Điền nhiệm kỳ 2016 - 2021.	33
---	----

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

- 07-02-2018 Chỉ thị số 05/CT-UBND về việc chấn chỉnh công tác đấu thầu trong các dự án đầu tư phát triển và hoạt động mua sắm thường xuyên sử dụng vốn nhà nước. 52

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN

- 30-01-2018 Công văn số 82/HĐND-VP về việc đính chính Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 15/12/2017 của Hội đồng nhân dân huyện. 57
- 30-01-2018 Công văn số 83/HĐND-VP về việc đính chính Nghị quyết số 16/2017/NQ-HĐND ngày 15/12/2017 của Hội đồng nhân dân huyện. 58

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/2018/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 09 tháng 02 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp giữa Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh với các sở, ban ngành và UBND các huyện, thị xã trong công tác quản lý nhà nước tại Khu kinh tế, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BKHĐT-BNV ngày 03 tháng 6 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 60/TTr-SNV ngày 17 tháng 01 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh với các sở, ban ngành và UBND các huyện, thị xã trong công tác quản lý nhà nước tại Khu kinh tế, khu công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 02 năm 2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã có Khu kinh tế, khu công nghiệp và Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Cao

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Phối hợp giữa Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp
với các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã trong công tác
quản lý nhà nước tại Khu Kinh tế, khu công nghiệp trên địa bàn
tỉnh Thừa Thiên Huế**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 11/2018/QĐ-UBND ngày 09/02/2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, phương thức, nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh (sau đây viết tắt là Ban Quản lý) với các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn (sau đây gọi chung là các sở, ban, ngành), UBND các huyện, thị xã có Khu kinh tế, khu công nghiệp (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện) trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước tại Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô, Khu kinh tế cửa khẩu A Đớt và các Khu công nghiệp Phong Điền, Tứ Hạ, Quảng Vinh, Phú Bài, Phú Đa, La Sơn (sau đây viết tắt là KKT, KCN) trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với Ban Quản lý, các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện có KKT, KCN trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong KKT, KCN.

Điều 3. Mục đích

Nâng cao trách nhiệm, hiệu quả công tác phối hợp giữa Ban Quản lý với các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước tại KKT, KCN; không ngừng cải thiện môi trường đầu tư để phát triển KKT, KCN theo quy hoạch, kế hoạch và tiến độ đã đề ra.

Điều 4. Trách nhiệm của các bên trong quan hệ phối hợp

Ban Quản lý chịu trách nhiệm chủ trì thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước trong các KKT, KCN theo chức năng, nhiệm vụ được giao và phân cấp, ủy quyền; các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ Ban Quản lý trong quá trình thực hiện quản lý nhà nước tại KKT, KCN theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Ngoài các chức năng, nhiệm vụ đã được giao và phân cấp, ủy quyền cho Ban Quản lý, các lĩnh vực còn lại sẽ do các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện tiếp tục quản lý theo thẩm quyền hoặc phối hợp với Ban Quản lý để thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc phối hợp

1. Công tác phối hợp quản lý tại các KKT, KCN trên địa bàn tỉnh theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan quản lý nhà nước các cấp do pháp luật quy định và phân cấp, uỷ quyền, đảm bảo sự thống nhất, phân định rõ chức năng nhiệm vụ, quản lý chặt chẽ các lĩnh vực liên quan đến hoạt động trong KKT, KCN.

2. Hoạt động quản lý nhà nước của Ban Quản lý, các cơ quan liên quan tại KKT, KCN được thực hiện đúng thẩm quyền, trên nguyên tắc tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các doanh nghiệp, nhà đầu tư và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan với cơ quan đầu mối là Ban Quản lý.

3. Tạo môi trường đầu tư thông thoáng, thủ tục hành chính đơn giản, nhanh gọn, góp phần thúc đẩy KKT, KCN trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững.

4. Hoạt động phối hợp thực hiện theo cơ chế “Cơ quan chủ trì” và “Cơ quan phối hợp” theo quy định như sau:

a) Cơ quan chủ trì: Chịu trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến các cơ quan phối hợp thông qua một trong các hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, tổ chức họp hoặc đề xuất cử người tham gia thực hiện công việc trong phạm vi thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ (trừ trường hợp theo phân công của Chủ tịch UBND tỉnh và những trường hợp có quy định riêng); chịu trách nhiệm trước pháp luật, UBND tỉnh về quyết định của mình.

b) Cơ quan phối hợp: Chịu trách nhiệm tham gia ý kiến bằng văn bản, cử đại diện dự họp hoặc cử đại diện tham gia thực hiện công việc theo đề nghị của cơ quan chủ trì về các lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan quản lý nhà nước và chịu trách nhiệm về nội dung, kết quả tham gia phối hợp của cơ quan mình; cơ quan phối hợp được quyền yêu cầu cơ quan chủ trì cung cấp thông tin cần thiết để thực hiện nhiệm vụ khi có yêu cầu.

5. Nguyên tắc phối hợp giữa cơ quan chủ trì với cơ quan phối hợp: Nội dung công việc đề nghị tham gia ý kiến, mời tham dự họp hoặc đề nghị cử đại diện tham gia phối hợp phải đảm bảo liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan phối hợp và đảm bảo các yêu cầu:

- a) Tính khách quan trong quá trình phối hợp;
- b) Yêu cầu chuyên môn, chất lượng và thời hạn phối hợp;
- c) Kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động phối hợp; đề cao trách nhiệm cá nhân của thủ trưởng cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và cán bộ, công chức tham gia phối hợp.

Điều 6. Phương thức phối hợp

Tùy theo tính chất, nội dung công việc cần phối hợp với các cơ quan khác, cơ quan chủ trì quyết định áp dụng một trong các phương thức phối hợp sau đây:

1. Tổ chức lấy ý kiến cơ quan phối hợp bằng văn bản hoặc gửi hồ sơ đề nghị cơ quan phối hợp tham gia ý kiến; cơ quan phối hợp có trách nhiệm nghiên cứu trả lời bằng văn bản theo thời hạn đề nghị của cơ quan chủ trì (thời hạn đề nghị tối thiểu 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành văn bản hoặc gửi hồ sơ đề nghị), trường hợp

quá thời hạn mà cơ quan phối hợp chưa có văn bản trả lời thì được xem như cơ quan phối hợp đồng ý với nội dung đề nghị tham gia phối hợp và phải chịu trách nhiệm về nội dung được hỏi ý kiến.

2. Tổ chức họp, trong trường hợp cần thiết thì lập biên bản, để làm cơ sở xác định trách nhiệm các bên phải tiến hành theo thẩm quyền. Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm cử người đi họp, ý kiến phát biểu của người được cử dự họp được xem là ý kiến chính thức của đơn vị. Trường hợp có một hoặc các bên không thống nhất nội dung thì được bảo lưu ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp và trình UBND tỉnh quyết định.

3. Tổ chức tổ công tác hoặc đoàn công tác liên ngành thực hiện khảo sát, điều tra, hoặc xử lý loại công việc có tính chất đặc thù.

4. Cơ quan phối hợp cử công chức lãnh đạo, công chức, viên chức chuyên môn nghiệp vụ để giúp cơ quan chủ trì giải quyết công việc nhanh chóng, thuận lợi và đảm bảo đúng nguyên tắc phối hợp.

5. Thành lập hệ thống đầu mối tiếp nhận thông tin để trong trường hợp khẩn thiết, đột xuất cần phải xử lý công việc hoặc tổ chức cuộc họp ở thời điểm ngoài giờ làm việc hành chính và các ngày nghỉ thì được thông báo họp hoặc xử lý nội dung công việc qua điện thoại.

Điều 7. Nội dung và lĩnh vực phối hợp quản lý

Ban Quản lý phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện để thực hiện chức năng quản lý nhà nước tại KKT, KCN trên một số lĩnh vực sau:

1. Xây dựng và phát triển KKT, KCN.
2. Quản lý đầu tư.
3. Quản lý quy hoạch và xây dựng, trật tự đô thị.
4. Quản lý đất đai, tài nguyên và môi trường.
5. Bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư.
6. Quản lý doanh nghiệp, lao động và việc làm.
7. Quản lý an ninh trật tự, quốc phòng, phòng cháy và chữa cháy.
8. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát; xử lý vi phạm.
9. Những lĩnh vực khác theo quy định của Trung ương, của UBND tỉnh.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 8. Trách nhiệm phối hợp trong việc xây dựng và phát triển KKT, KCN

1. Trách nhiệm của Ban Quản lý

a) Chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm tại KKT, KCN;

b) Xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm, huy động các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài ngân sách nhà nước để đầu tư phát triển, hoàn thiện theo quy hoạch hệ thống hạ tầng thiết yếu tại các KKT, KCN;

c) Chủ trì xây dựng danh mục ưu tiên các dự án đầu tư xây dựng trong giai đoạn trung hạn và hàng năm nhằm hoàn thiện cơ sở hạ tầng theo định hướng phát triển tại Khu kinh tế, khu công nghiệp;

d) Xây dựng danh mục dịch vụ công thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý; Lập dự toán và quyết toán các dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, báo cáo Sở Tài chính theo quy định;

đ) Xây dựng các khung giá và mức phí, lệ phí thực hiện tại khu kinh tế, khu công nghiệp để trình Sở Tài chính thẩm định theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Tham gia ý kiến trong quá trình xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm tại KKT, KCN;

b) Phối hợp với Ban Quản lý xây dựng danh mục dự án đầu tư và kế hoạch vốn đầu tư phát triển hàng năm và 5 năm; chủ trì kiểm tra, rà soát, tổng hợp nhu cầu vốn đầu tư phát triển tại KKT, KCN;

c) Phối hợp với Ban Quản lý xây dựng phương án huy động các nguồn vốn khác, kế hoạch hỗ trợ từ ngân sách tỉnh đối với các dự án đầu tư để phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội quan trọng tại KKT, KCN;

d) Làm đầu mối xây dựng chiến lược, định hướng và kế hoạch thu hút nguồn vốn ODA vào KKT, chủ trì phối hợp với Ban Quản lý làm việc với Bộ, ngành Trung ương, các tổ chức kinh tế để vận động nguồn vốn ODA.

3. Trách nhiệm của Sở Tài chính

a) Thẩm định về mức phí và lệ phí áp dụng tại KKT, KCN, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Phối hợp với Ban Quản lý xây dựng phương án phát hành trái phiếu công trình;

c) Thẩm định giá cho thuê tài sản do ngân sách nhà nước đầu tư tại KKT, KCN trình UBND tỉnh phê duyệt;

d) Tham gia với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan liên quan để tham mưu UBND tỉnh về thu hút, huy động, sử dụng vốn để đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội trong KKT, KCN; giúp UBND tỉnh triển khai việc phát hành trái phiếu và các hình thức vay nợ khác theo quy định của Luật Ngân sách;

đ) Thẩm định dự toán, chi phí đối với các dịch vụ tư vấn có thuê tư vấn nước ngoài, các dịch vụ không có trong quy định của nhà nước trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

e) Hướng dẫn lập, chấp hành ngân sách nhà nước hàng năm, thẩm định và thông báo quyết toán kinh phí hoạt động Ban Quản lý theo quy định.

4. Trách nhiệm của Cục Thuế

- a) Thực hiện quản lý nhà nước về lĩnh vực thuế trong KKT, KCN;
- b) Hướng dẫn Ban Quản lý về các thủ tục có liên quan đến việc đăng ký thuế, kê khai thuế, các khoản nộp thuế và các khoản thu, nộp về đất cho nhà đầu tư, doanh nghiệp;
- c) Phối hợp cung cấp số liệu về thu ngân sách trên địa bàn KKT, KCN cho Ban Quản lý tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

5. Trách nhiệm của Cục Hải quan

- a) Cung cấp các văn bản, số liệu, thông tin liên quan đến các lĩnh vực: quản lý, xuất nhập khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp, nhà đầu tư; phục vụ công tác xúc tiến đầu tư và quản lý đầu tư theo đề nghị của Ban Quản lý;
- b) Phối hợp với các cơ quan chức năng của tỉnh kiến nghị với cấp có thẩm quyền về những vấn đề còn bất cập, cần sửa đổi, bổ sung chính sách quản lý của nhà nước về hải quan.

Điều 9. Quản lý đầu tư

1. Trách nhiệm của Ban Quản lý

- a) Chủ trì xây dựng chương trình, kế hoạch xúc tiến đầu tư phát triển KKT, KCN gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, lấy ý kiến Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước khi tham mưu UBND tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện.
- b) Chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức hoạt động xúc tiến đầu tư theo kế hoạch đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; phối hợp, tham gia các chương trình xúc tiến đầu tư vào KKT, KCN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, ngành và UBND tỉnh tổ chức.
- c) Làm đầu mối tiếp nhận, thụ lý, giải quyết đăng ký đầu tư của nhà đầu tư; có văn bản (kèm hồ sơ dự án) gửi các sở, ban, ngành liên quan và UBND cấp huyện để lấy ý kiến thẩm định trước khi tổng hợp ý kiến thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với các dự án thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc tổng hợp, lập báo cáo trình cơ quan có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư đầu tư vào KKT, KCN thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ và UBND tỉnh.
- d) Cung cấp thông tin đối với các dự án được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đã cấp trong KKT, KCN cho UBND cấp huyện.
- đ) Chủ trì, phối hợp các sở, ban ngành, UBND cấp huyện thực hiện kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện dự án theo đúng các nội dung quy định trong quyết định chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đã cấp; phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ban ngành và UBND cấp huyện có liên quan thực hiện thanh tra các dự án theo quy định.

2. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện phối hợp chặt chẽ với Ban Quản lý thực hiện khảo sát thực địa điểm đầu tư (nếu có); có văn bản tham gia ý kiến thẩm định về các nội dung dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý của cơ quan mình và gửi về Ban Quản lý theo thời hạn đề nghị của Ban Quản lý.

b) Công an tỉnh phối hợp, hỗ trợ Ban Quản lý thẩm tra đối tác đầu tư theo đề nghị của Ban Quản lý. Phối hợp với các cơ quan có liên quan điều tra, xác minh, xử lý các trường hợp có hoạt động nghi vấn liên quan đến quá trình hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh, môi giới đầu tư không lành mạnh ảnh hưởng đến đầu tư tại các KKT, KCN. Chủ trì thực hiện công tác bảo vệ an ninh đối với các dự án trong KKT, KCN.

Điều 10. Quản lý quy hoạch

1. Trách nhiệm của Ban Quản lý

a) Chủ trì thực hiện công tác lập, rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng các KKT, KCN; phối hợp Sở Xây dựng, các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, các địa phương có liên quan để lấy ý kiến trước khi báo cáo UBND tỉnh trình Bộ Xây dựng thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định của pháp luật; chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức công bố quy hoạch và quản lý quy hoạch chung xây dựng các KKT, KCN theo quy định của pháp luật về quy hoạch xây dựng.

b) Chủ trì tổ chức lập, rà soát, điều chỉnh quy hoạch phân khu xây dựng và phân khu đô thị để trình Sở Xây dựng thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định pháp luật hiện hành. Sau khi các đề án quy hoạch được phê duyệt, Ban Quản lý cung cấp hồ sơ đề án quy hoạch đến Sở Xây dựng, UBND cấp huyện và cơ quan quản lý quy hoạch cấp huyện để phối hợp trong công tác quản lý; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức công bố quy hoạch, cắm mốc giới quy hoạch và quản lý quy hoạch theo quy định của pháp luật.

c) Tổ chức lập, rà soát, điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng các khu chức năng trong KKT, KCN và quy hoạch chi tiết đô thị trong KKT; lấy ý kiến thỏa thuận bằng văn bản của Sở Xây dựng và Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện có liên quan (trừ các quy hoạch do nhà đầu tư tổ chức lập) trước khi thẩm định, phê duyệt theo phân cấp, ủy quyền. Sau khi các đề án quy hoạch được phê duyệt, Ban Quản lý cung cấp hồ sơ đề án quy hoạch đến Sở Xây dựng, UBND cấp huyện và cơ quan quản lý quy hoạch cấp huyện để phối hợp trong công tác quản lý; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức công bố quy hoạch, cắm mốc giới quy hoạch và quản lý quy hoạch theo quy định của pháp luật.

d) Căn cứ vào các quy hoạch đã được phê duyệt và định hướng phát triển đối với từng khu vực, chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện, UBND cấp xã trình UBND tỉnh công bố, công khai các khu vực, vị trí được phép cải tạo, chỉnh trang hoặc xây dựng có thời hạn nhà ở theo quy định của Luật Xây dựng trên địa bàn KKT, KCN.

đ) Tham gia ý kiến bằng văn bản đối với các đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị trên địa bàn Khu kinh tế thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt của UBND cấp huyện.

2. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

a) Phối hợp Ban Quản lý thực hiện công tác lập, rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng các KKT, KCN báo cáo UBND tỉnh để trình Bộ Xây dựng thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định của pháp luật; phối hợp Ban Quản lý tổ chức công bố quy hoạch và thực hiện quản lý quy hoạch chung xây dựng các KKT, KCN theo quy định của pháp luật về quy hoạch xây dựng các KKT, KCN.

b) Phối hợp Ban Quản lý trong công tác lập, rà soát, điều chỉnh quy hoạch phân khu xây dựng và phân khu đô thị; chủ trì, phối hợp các sở, ban ngành, UBND cấp huyện thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch phân khu xây dựng và phân khu đô thị theo quy định hiện hành.

c) Có ý kiến thỏa thuận bằng văn bản đối với các đồ án quy hoạch thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt của Ban Quản lý theo phân cấp, ủy quyền của UBND tỉnh.

3. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành liên quan

a) Tham gia góp ý đối với các đồ án quy hoạch thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt của Ban Quản lý theo phân cấp, ủy quyền của UBND tỉnh theo thời hạn đề nghị của Ban Quản lý. Trường hợp quá thời hạn theo đề nghị của Ban Quản lý mà các cơ quan liên quan và UBND cấp huyện không có văn bản trả lời thì được xem như đồng ý với nội dung của đồ án quy hoạch;

b) Các sở, ban, ngành liên quan có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Ban Quản lý theo quy định của pháp luật, chỉ đạo của UBND tỉnh hoặc khi có đề nghị của Ban Quản lý để quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng và phát triển theo quy hoạch đã được phê duyệt.

4. Trách nhiệm của UBND cấp huyện

a) Phối hợp Ban Quản lý cho ý kiến về nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung xây dựng KKT, quy hoạch chung xây dựng KCN, quy hoạch phân khu xây dựng, quy hoạch phân khu đô thị và quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch chi tiết đô thị phục vụ công tác lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch.

b) Trong quá trình tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch điểm dân cư nông thôn và quy hoạch xã nông thôn mới đối với địa bàn có KKT, KCN phải lấy ý kiến của Ban Quản lý trước khi thẩm định, phê duyệt theo thẩm quyền;

c) Phối hợp chặt chẽ với Ban Quản lý trong việc công bố quy hoạch, cung cấp thông tin quy hoạch; chỉ đạo các phòng chuyên môn và UBND cấp xã quản lý mốc giới quy hoạch đã được cắm tại thực địa;

d) Phối hợp quản lý chặt chẽ tình hình sử dụng đất theo quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng đã được phê duyệt.

đ) Tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân về các chính sách, chủ trương, pháp luật của nhà nước về quy hoạch xây dựng;

Điều 11. Quản lý đầu tư xây dựng

1. Trách nhiệm của Ban Quản lý

a) Chủ trì tổ chức lấy ý kiến các sở, ngành liên quan để lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư mới và điều chỉnh các chương trình, dự án đầu tư công nhóm B, C, các dự án đầu tư công không có cấu phần xây dựng để trình Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công.

b) Chủ trì thẩm định dự án đầu tư công, thẩm định thiết kế cơ sở các dự án nhóm B trở xuống và có trách nhiệm lấy ý kiến của các sở và các cơ quan có liên quan về các nội dung của dự án đầu tư trong KKT, KCN.

c) Tham gia ý kiến về vị trí, quy mô đầu tư trong giai đoạn lập chủ trương đầu tư; tham gia ý kiến về dự án, thiết kế cơ sở đối với các dự án đầu tư công do các chủ đầu tư khác đầu tư trong KKT, KCN.

d) Chủ trì, phối hợp Sở Xây dựng, các sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thực hiện công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng; báo cáo UBND tỉnh, Sở Xây dựng về công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng trong KKT, KCN theo định kỳ 6 tháng, năm hoặc khi có yêu cầu đột xuất.

đ) Cung cấp thông tin đối với các dự án, công trình đầu tư trong KKT, KCN cho UBND cấp huyện.

e) Tiếp nhận thông tin về sự cố công trình xây dựng trong KKT, KCN, kịp thời báo cáo UBND tỉnh, UBND cấp huyện nơi có sự cố xây dựng công trình theo quy định.

2. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp các sở và các cơ quan liên quan thẩm định, trình UBND tỉnh trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư hoặc UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công.

b) Trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án hoặc phê duyệt dự án đầu tư đối với các dự án trên địa bàn KKT, KCN không thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Quản lý, các sở, ban ngành và UBND cấp huyện lấy ý kiến của Ban Quản lý về vị trí thực hiện dự án, quy mô đầu tư dự án và các nội dung của dự án để đảm bảo dự án được phê duyệt phù hợp quy hoạch xây dựng KKT, KCN đã được phê duyệt.

c) Các sở, ban ngành và UBND cấp huyện được lấy ý kiến, căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm góp ý bằng văn bản trong thời hạn quy định về các nội dung của dự án, hồ sơ thiết kế cơ sở theo quy định.

d) Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy tỉnh có trách nhiệm thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy, chữa cháy đối với dự án, công trình được đầu tư, xây dựng tại KKT, KCN theo quy định của Chính phủ.

đ) Sở Xây dựng chủ trì và các cơ quan có liên quan tổ chức kiểm tra định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng của Ban Quản lý và các chủ thể tham gia xây dựng công trình và kiểm tra chất lượng công trình xây dựng khi cần thiết. Chủ trì, phối hợp Ban Quản lý tổ chức giám định chất lượng công trình xây dựng, giám định sự cố công trình xây dựng theo quy định.

Điều 12. Cấp phép xây dựng, quản lý trật tự xây dựng và đô thị

1. Trách nhiệm của Ban Quản lý

a) Chủ trì lấy ý kiến của Sở Văn hóa và Thể thao đối với công trình thuộc khu vực khoanh vùng bảo vệ di tích, lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh; công trình quảng cáo, công trình thể dục thể thao.

b) Sau khi thực hiện cấp Giấy phép xây dựng đối với các dự án, các công trình theo phân cấp, ủy quyền trong KCN, KKT, Ban Quản lý sao gửi 01 bản đến Sở Xây dựng, UBND cấp huyện; cơ quan quản lý đô thị cấp huyện và Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy để phối hợp quản lý. Định kỳ 6 tháng, một năm tổng hợp báo cáo tình hình cấp giấy phép trong KKT, KCN gửi Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Bộ Xây dựng theo quy định.

c) Chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các cơ quan có liên quan theo dõi, kiểm tra các công trình thuộc dự án do Ban Quản lý trực tiếp quản lý vốn; các công trình thuộc các dự án đầu tư xây dựng của các tổ chức, nhà đầu tư trong và ngoài nước và các dự án khác được phân cấp quản lý.

d) Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan xử lý các khó khăn, vướng mắc trong quá trình quản lý cấp phép, quản lý trật tự xây dựng trong KKT, KCN theo thẩm quyền.

đ) Phối hợp quản lý, phát hiện, cung cấp thông tin cho UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn KKT, KCN trong việc xây dựng nhà ở, vật kiến trúc của các hộ gia đình, các cá nhân không phù hợp quy hoạch đã được phê duyệt (trừ công trình đã được cấp giấy phép xây dựng có thời hạn).

2. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

Phối hợp Ban Quản lý xử lý các khó khăn, vướng mắc trong quá trình quản lý cấp phép, quản lý trật tự xây dựng trong KKT, KCN theo thẩm quyền. Tổng hợp báo cáo tình hình cấp giấy phép trong KKT, KCN của Ban Quản lý để báo cáo Bộ Xây dựng.

3. Trách nhiệm của UBND cấp huyện

a) Trong quá trình cấp giấy phép xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ trên địa bàn Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô theo phân cấp, UBND huyện Phú Lộc có trách nhiệm phối hợp Ban Quản lý để đảm bảo công tác cấp giấy phép phù hợp theo quy hoạch hoặc phù hợp với các khu vực, vị trí được phép cải tạo, chỉnh trang, xây dựng có thời hạn nhà ở được công bố và quy định của pháp luật.

b) Sau khi thực hiện việc cấp Giấy phép xây dựng các công trình theo thẩm quyền trong KKT, UBND cấp huyện sao gửi 01 bản đến Ban Quản lý để phối hợp quản lý.

c) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc huyện và UBND cấp xã kiểm tra, xử lý kịp thời, nghiêm minh các trường hợp: Xây dựng mới nhà ở và các công trình khác không có giấy phép xây dựng trong khu vực đã có quy hoạch chi tiết xây dựng hoặc không có giấy phép xây dựng có thời hạn, giấy phép cải tạo, chỉnh trang nhà ở trong khu vực được UBND tỉnh cho phép xây dựng tạm, cải tạo, chỉnh trang nhà ở; xây dựng không tuân thủ quy hoạch, không tuân thủ theo hồ sơ thiết kế và giấy phép xây dựng; xây dựng nhà vi phạm hành lang an toàn của Quốc lộ 1A, chỉ giới xây dựng, chỉ giới đường đỏ; quỹ đất đã thu hồi, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và các trường hợp vi phạm khác.

- UBND huyện Phú Lộc và UBND huyện A Lưới chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý, các sở, ngành liên quan trong việc theo dõi, kiểm tra các dự án do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện, UBND cấp xã làm chủ đầu tư và các công trình nhà ở riêng lẻ của các hộ dân trên địa bàn Khu kinh tế.

- Chủ trì thực hiện công tác quản lý trật tự xây dựng, giải quyết vấn đề lấn chiếm đất công và xây dựng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất trái phép trên địa bàn KKT, KCN.

Điều 13. Quản lý đất đai

1. Trách nhiệm của Ban Quản lý

a) Công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại KKT, KCN; chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng: Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại KKT, KCN được thể hiện trong quy hoạch chi tiết xây dựng của KKT, KCN. Ban Quản lý có trách nhiệm cung cấp các thông tin, hồ sơ phục vụ việc lập Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, cấp huyện theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường; đăng ký các công trình dự án có nhu cầu sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng tại các KKT, KCN gửi UBND cấp huyện, Sở Tài nguyên và Môi trường để lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm của các huyện, thị xã.

b) Công tác thẩm định nhu cầu sử dụng đất, thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất đối với các dự án đầu tư tại các KKT, KCN: Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ, chủ trì lấy ý kiến hoặc chủ trì tổ chức họp thẩm định theo quy định.

c) Công tác thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng:

- Đối với các dự án đầu tư trên địa bàn các Khu kinh tế:

+ Đối với trường hợp khu đất thu hồi chỉ có các tổ chức: Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ trình Sở Tài nguyên và Môi trường để thực hiện các thủ tục thu hồi đất và giao cho Ban Quản lý thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trước khi giao lại đất, cho thuê đất theo đúng quy định tại Khoản 3 Điều 151 Luật Đất đai.

+ Đối với trường hợp khu đất thu hồi có tổ chức, hộ gia đình, cá nhân: Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ chuyển UBND cấp huyện để thực hiện các thủ tục thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ và tái định cư theo trình tự thủ tục theo quy định.

- Đối với các dự án đầu tư trên địa bàn các Khu công nghiệp (chưa có nhà đầu tư hạ tầng):

Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ, chuyển Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc UBND huyện, thị xã để thực hiện công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định hiện hành của UBND tỉnh.

d) Hàng năm Ban Quản lý căn cứ vào nhu cầu đầu tư tại địa bàn KKT, KCN và các quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước hiện hành để kiểm tra, rà soát gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch định giá đất cụ thể; đồng thời, trong quá trình xây dựng, thẩm định, phê duyệt giá đất cụ thể thì Ban Quản lý có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường để cung cấp các thông tin và thực hiện theo đúng trình tự thủ tục xác định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh.

2. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất: Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn Ban Quản lý và UBND cấp huyện thực hiện việc đăng ký các công trình dự án có nhu cầu sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng tại các KKT, KCN.

b) Công tác thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng; giao đất, cho thuê đất:

- Thẩm định hồ sơ thu hồi, giao đất các dự án tại địa bàn KKT trình UBND tỉnh quyết định thu hồi, giao đất cho Ban Quản lý quản lý theo thẩm quyền.

- Thẩm định hồ sơ thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất các dự án tại địa bàn KCN trình UBND tỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho nhà đầu tư thuê đất theo thẩm quyền.

c) Thực hiện việc xây dựng, thẩm định, trình phê duyệt các công trình dự án theo quy định tại Điều d Khoản 1 Điều 13 Quy chế đảm bảo theo đúng quy định hiện hành.

3. Trách nhiệm của UBND cấp huyện

a) Thực hiện các thủ tục về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định hiện hành của UBND tỉnh.

b) Sau khi UBND huyện quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, UBND huyện có trách nhiệm chuyển cho Ban Quản lý các Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để Ban Quản lý trình UBND tỉnh quyết định giao đất cho Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh quản lý.

c) Sau khi đã hoàn thành công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, UBND huyện có trách nhiệm:

- Ban hành văn bản xác nhận đã hoàn thành công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

- Bàn giao quỹ đất đã giải phóng mặt bằng tại thực địa cho Ban Quản lý đối với địa bàn KKT.

Điều 14. Quản lý môi trường

1. Trách nhiệm của Ban Quản lý

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND các cấp triển khai tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường thuộc phạm vi quản lý; công khai thông tin về bảo vệ môi trường KKT, KCN.

b) Chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Khoản 7, Điều 1 của Quyết định số 75/2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phân cấp, ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế.

c) Chịu trách nhiệm toàn diện các vấn đề về môi trường tại KKT, KCN trên địa bàn tỉnh. Chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tổ chức kiểm tra hoạt động về bảo vệ môi trường tại KKT, KCN theo quy định; lựa chọn, bố trí các dự án vào KKT, KCN theo đúng quy hoạch và báo cáo đánh giá môi trường của dự án đầu tư hạ tầng KKT, KCN đã được phê duyệt gắn với yếu tố bảo vệ môi trường.

d) Tổ chức triển khai, khuyến khích áp dụng mô hình sản xuất sạch hơn cho các cơ sở trong KKT, KCN.

đ) Tổ chức quan trắc, giám sát môi trường KKT, KCN; quản lý số liệu quan trắc môi trường và báo cáo định kỳ cho Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Xây dựng kế hoạch và dự toán chi phí thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về môi trường trên địa bàn các KKT, KCN hàng năm để trình Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính tổng hợp trình UBND tỉnh bố trí.

- Tổ chức kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án đối với các dự án đầu tư trong các KKT, KCN.

- Tổ chức, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện giải quyết sự cố môi trường xảy ra trong các KKT, KCN.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện tiếp nhận, giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về môi trường trong các KKT, KCN.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện thanh tra, xử lý vi phạm về bảo vệ môi trường đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động trong các KKT, KCN.

- Tham gia phối hợp hướng dẫn, thẩm định kế hoạch ứng phó sự cố môi trường, sự cố tràn dầu của các cơ sở trong các KKT, KCN.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát, lập danh sách, kiểm tra xử lý, xác nhận hoàn thành các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trong các KKT, KCN.

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN; các cơ sở sản xuất kinh doanh trong KKT, KCN thuộc thẩm quyền quản lý thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường; phát hiện và kịp thời báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để giải quyết, xử lý các hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường; huy động ứng phó, khắc phục khi xảy ra sự cố tại KKT, KCN.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do UBND tỉnh giao, báo cáo UBND tỉnh về công tác bảo vệ môi trường hàng năm thuộc lĩnh vực quản lý.

2. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Tham gia Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết và đề án bảo vệ môi trường đơn giản của các dự án đầu tư trong các KKT, KCN.

b) Phối hợp Ban Quản lý kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết và đề án bảo vệ môi trường đơn giản được phê duyệt, kế hoạch bảo vệ môi trường được xác nhận trong giai đoạn thi công xây dựng các dự án; giám sát, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất về công tác bảo vệ môi trường đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động trong các KKT, KCN.

c) Chủ trì, phối hợp Ban Quản lý xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc, thanh tra và xử lý vi phạm về bảo vệ môi trường đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động trong các KKT, KCN.

d) Phối hợp Ban Quản lý tổ chức phổ biến các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường, tuyên truyền về công tác bảo vệ môi trường cho các tổ chức, cá nhân trong các KKT, KCN.

đ) Chủ trì, phối hợp Ban Quản lý, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí sự nghiệp môi trường hàng năm cho Ban Quản lý thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về môi trường trong các KKT, KCN.

3. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện

a) Tham gia Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết và đề án bảo vệ môi trường đơn giản của các dự án đầu tư trong các KKT, KCN theo đề nghị của Ban Quản lý.

b) Phối hợp Ban Quản lý kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết và đề án bảo vệ môi trường đơn giản được phê duyệt, kế hoạch bảo vệ môi trường được xác nhận trong giai đoạn thi công xây dựng các dự án; giám sát, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất về công tác bảo vệ môi trường đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động trong các KKT, KCN.

c) UBND cấp huyện chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND cấp xã có liên quan phối hợp chặt chẽ với Ban Quản lý kiểm tra, phát hiện và báo cáo cơ quan có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm về môi trường thuộc phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý. Chịu trách nhiệm kiểm tra, xử lý các trường hợp xả rác thải, nước thải và các hoạt động khác gây ô nhiễm môi trường của các hộ dân, hộ kinh doanh cá thể.

Điều 15. Quản lý khoáng sản

1. Trách nhiệm của Ban Quản lý

a) Tiếp nhận hồ sơ, lấy ý kiến các ngành và địa phương liên quan, thẩm định hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp, thu hồi, gia hạn, cho phép chuyển nhượng, cho phép trả lại giấy phép hoặc một phần diện tích giấy phép thăm dò, giấy phép khai thác khoáng sản; đóng cửa mỏ đối với các dự án thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh trên địa bàn Khu kinh tế.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trữ lượng trong báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản.

c) Tổ chức lập, thông báo và bán hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản, đồng thời tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành liên quan

a) Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng và các sở, ban, ngành khác theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm phối hợp với Ban Quản lý tham gia Hội đồng thẩm định đề án thăm dò, báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản; Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ.

b) Theo chức năng nhiệm vụ được phân công, khi rà soát điều chỉnh quy hoạch phân vùng hoạt động khoáng sản, các sở, ngành có trách nhiệm phối hợp với Ban Quản lý đảm bảo sự thống nhất giữa các quy hoạch.

c) Phối hợp với Ban Quản lý và địa phương trong việc quản lý bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác và kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật của các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản trên địa bàn Khu kinh tế.

3. Trách nhiệm của UBND cấp huyện có Khu kinh tế

a) Tham gia ý kiến về Đề án thăm dò khoáng sản; đề án đóng cửa mỏ; dự án đầu tư khai thác khoáng sản trên địa bàn Khu kinh tế. Phối hợp với Ban Quản lý bàn giao tại thực địa mốc giới, diện tích khu vực hoạt động khoáng sản theo giấy phép đối với các tổ chức, cá nhân được cấp phép hoạt động khoáng sản trên địa bàn Khu kinh tế.

b) Phối hợp chặt chẽ với Ban Quản lý trong công tác kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất các khu vực có giấy phép hoạt động khai thác khoáng sản và trong công tác bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác tại địa bàn Khu kinh tế.

c) Tổ chức lực lượng chủ động kiểm tra và xử lý đối với các hoạt động khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn Khu Kinh tế theo thẩm quyền. Chỉ đạo UBND các xã, thị trấn, Phòng Tài nguyên và Môi trường giám sát các hoạt động khoáng sản trên địa bàn, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về khoáng sản.

Điều 16. Công tác quản lý doanh nghiệp**1. Trách nhiệm của Ban Quản lý**

Thực hiện công tác quản lý doanh nghiệp tại địa bàn KKT, KCN; xây dựng hệ thống thông tin doanh nghiệp, cung cấp thông tin và báo cáo định kỳ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh, các Sở, ban, ngành liên quan.

2. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp cơ sở dữ liệu đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành tại Quyết định số 93/2016/QĐ-UBND ngày 30/12/2016.

b) Phối hợp Ban Quản lý trong việc tổ chức các hoạt động thanh tra, kiểm tra về hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong KKT, KCN.

3. Trách nhiệm của Cục Thuế tỉnh

a) Hướng dẫn doanh nghiệp trong KKT, KCN thực hiện các thủ tục hành chính trong việc kê khai nộp các loại thuế, phí, lệ phí...

b) Định kỳ hàng quý, 6 tháng, hàng năm, thông tin về tình hình đăng ký, kê khai và nộp thuế của doanh nghiệp do đơn vị quản lý; thông báo các doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật về thuế: bỏ địa điểm sản xuất kinh doanh, không kê khai, nộp thuế...

4. Trách nhiệm của Cục Hải quan

a) Giải quyết các thủ tục hải quan cho hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phương tiện vận tải vào, ra, quá cảnh trong KKT, KCN.

b) Hướng dẫn cho các tổ chức, cá nhân về chính sách thuế xuất, nhập khẩu và các chính sách có liên quan đến hoạt động của hải quan theo quy định của pháp luật. Kịp thời giải quyết theo thẩm quyền hoặc thông báo cho Ban Quản lý biết để phối hợp giải quyết các vấn đề vướng mắc phát sinh có liên quan đến hải quan của các doanh nghiệp trong KKT, KCN.

c) Định kỳ quý, 6 tháng, hàng năm cung cấp số liệu về thu ngân sách trên địa bàn KKT, KCN cho Ban Quản lý tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

Điều 17. Công tác quản lý lao động, việc làm**1. Trách nhiệm của Ban Quản lý**

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan chức năng liên quan thực hiện phổ biến, tuyên truyền pháp luật, hướng dẫn người sử dụng lao động và người lao động trong các doanh nghiệp trong KKT, KCN thực hiện đúng những quy định của pháp luật lao động và các pháp luật có liên quan khác.

b) Chủ trì, phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực hàng năm, 5 năm; phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các địa phương và các Trường Đại học, Cao đẳng, các Trung tâm đào tạo nghề

xây dựng kế hoạch, đào tạo ngành nghề đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển KKT, KCN.

c) Cử cán bộ tham gia Hội đồng trọng tài lao động, tham gia giải quyết tranh chấp về quyền và lợi ích hợp pháp giữa người lao động và chủ sử dụng lao động; phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan kịp thời giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo của người lao động và doanh nghiệp trong KKT, KCN.

d) Thực hiện các báo cáo về lao động theo quy định và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

2. Trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Chủ trì, phối hợp Ban Quản lý thực hiện việc quản lý nhà nước trên địa bàn toàn tỉnh về các lĩnh vực: quan hệ lao động, tiền lương; việc làm, an toàn lao động; dạy nghề theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

b) Phối hợp Ban Quản lý hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về pháp luật lao động và xử lý các vi phạm nếu có.

c) Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý, Công an tỉnh, các cơ quan chức năng liên quan điều tra và giải quyết các vụ tai nạn lao động gây hậu quả nghiêm trọng tại các doanh nghiệp, nhà thầu thi công... trong KKT, KCN.

3. Trách nhiệm của UBND cấp huyện

a) Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Quản lý và các cơ quan liên quan tuyên truyền phổ biến pháp luật lao động, các pháp luật có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp, đến quyền và nghĩa vụ người lao động và người sử dụng lao động trên địa bàn.

b) Phối hợp với Ban Quản lý, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, cơ quan Công đoàn, Công an tỉnh giải quyết các tranh chấp lao động tập thể và đình công, lãn công, bãi công không đúng quy định của pháp luật lao động trên địa bàn KKT, KCN.

c) Tổ chức khảo sát, điều tra về nguồn cung lao động, nhu cầu học nghề của nhân dân; tuyên truyền, giới thiệu việc làm cho người lao động làm việc tại KKT, KCN.

Điều 18. Quản lý an ninh trật tự và quốc phòng

1. Trách nhiệm của Ban Quản lý

a) Phối hợp với Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy tỉnh và UBND huyện chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trong KKT, KCN triển khai công tác đảm bảo ANTT, phòng chống tội phạm, tai nạn, tệ nạn xã hội; đảm bảo trật tự an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; xây dựng các mô hình tự quản về ANTT, xây dựng lực lượng tự vệ trong các doanh nghiệp trong KKT, KCN.

b) Phối hợp với Công an tỉnh, UBND huyện liên quan tăng cường công tác quản lý nhà nước về ANTT, nhất là an ninh chính trị nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh xã hội, quản lý lao động của các nhà thầu, quản lý người nước ngoài, quản lý nhà nước về trật tự xã hội.

c) Cung cấp thông tin, tài liệu cho Công an tỉnh, UBND huyện và các cơ quan liên quan về tình hình đầu tư, sản xuất kinh doanh của các cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn, đặc biệt lưu ý các đơn vị có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

2. Trách nhiệm của Công an tỉnh

a) Triển khai các biện pháp công tác công an, nắm chắc tình hình, đảm bảo an ninh trật tự phục vụ quá trình xây dựng và phát triển KKT, KCN. Chủ động tham mưu, hướng dẫn và kiểm tra, giám sát các cơ quan, doanh nghiệp; đơn vị, địa phương thuộc KKT, KCN thực hiện đúng các quy định của pháp luật, các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Nhà nước về công tác đảm bảo an ninh, trật tự.

b) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quản lý an ninh trật tự, xuất nhập cảnh, cư trú của người nước ngoài; bảo vệ bí mật nhà nước, an ninh nội bộ, an ninh kinh tế, môi trường; đảm bảo trật tự an toàn giao thông.

c) Phối hợp với Ban Quản lý trong việc quản lý, kiểm tra tạm trú đối với người lao động nước ngoài tạm trú trong doanh nghiệp tại KKT, KCN.

d) Đẩy mạnh các biện pháp công tác công an đấu tranh phòng chống tội phạm hoạt động trong KKT, KCN, nhất là tội phạm hình sự, kinh tế, ma túy, môi trường; tội phạm công nghệ cao, tệ nạn xã hội...

đ) Tham mưu, hướng dẫn Ban Quản lý và các doanh nghiệp trong KKT, KCN phát động, xây dựng phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; xây dựng cơ quan, doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn về an ninh trật tự; bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho lực lượng bảo vệ.

e) Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Ban Quản lý, các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện có liên quan trong quá trình tổ chức triển khai các mặt công tác, đảm bảo an ninh trật tự trong KKT, KCN.

3. Trách nhiệm của Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh: Thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao, đảm bảo an ninh quốc gia tại khu vực biên giới và cảng biển.

4. Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy tỉnh: Thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao, đảm bảo công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trong KKT, KCN.

Tổ chức hướng dẫn, tuyên truyền, huấn luyện, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ về PCCC; kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về PCCC đối với các doanh nghiệp tại các KKT, KCN; kiểm tra việc bảo quản, bảo dưỡng và sử dụng hệ thống cấp nước chữa cháy tại các Khu kinh tế, Khu công nghiệp khi có yêu cầu. Chủ trì xây dựng phương án xử lý tình huống cháy, nổ lớn và tổ chức thực tập phương án chữa cháy lớn có huy động nhiều lực lượng tham gia trong các KKT, KCN.

Phối hợp với Ban Quản lý trong công tác xây dựng phong trào toàn dân PCCC; hướng dẫn các doanh nghiệp hoạt động trong KKT, KCN trên địa bàn tỉnh xây dựng mô hình đảm bảo an toàn PCCC.

5. Trách nhiệm của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: Phối hợp với Ban Quản lý, các ngành có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh trong việc quản lý nhà nước về nhiệm vụ quốc phòng trong KKT, KCN.

6. Trách nhiệm của UBND cấp huyện: Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, phối hợp với Công an tỉnh, Ban Quản lý trong việc đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn các KKT, KCN.

Điều 19. Công tác thanh tra, kiểm tra

1. Quy định chung

a) Công tác thanh tra, kiểm tra các lĩnh vực về quy hoạch, đầu tư, xây dựng, đất đai, tài nguyên, khoáng sản, môi trường, doanh nghiệp, lao động,... đối với các dự án, doanh nghiệp thực hiện theo các quy định của pháp luật về thanh tra.

b) Các cơ quan Nhà nước khi tiến hành thanh tra, kiểm tra các dự án, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh trong KKT, KCN phải theo đúng chức năng, thẩm quyền và trình tự, thủ tục do pháp luật quy định; đảm bảo tính chính xác, khách quan, công khai, dân chủ, kịp thời; không làm cản trở hoạt động bình thường của doanh nghiệp trong KCN, KKT.

c) Việc thanh tra, kiểm tra chỉ được thực hiện theo kế hoạch hàng năm hoặc thanh tra đột xuất, thanh tra thường xuyên theo quy định của pháp luật; không được tiến hành trùng lặp, không quá 01 (một) lần về cùng một nội dung trong một năm đối với doanh nghiệp, trừ trường hợp đột xuất khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

2. Trách nhiệm của Ban Quản lý

a) Xây dựng kế hoạch kiểm tra các dự án, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh về các lĩnh vực theo chức năng, nhiệm vụ và phân cấp, ủy quyền cho Ban Quản lý hàng năm gửi Thanh tra tỉnh, các sở tổng hợp trình UBND tỉnh phê duyệt để triển khai thực hiện.

b) Tham gia với tư cách là thành viên của các đoàn thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện và cơ quan Trung ương (nếu được mời tham gia) khi tổ chức thanh tra, kiểm tra trên địa bàn KKT, KCN.

c) Tổ chức kiểm tra, xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong các lĩnh vực đầu tư, môi trường, lao động, thương mại, xây dựng thuộc phạm vi quản lý nhà nước được phân cấp, ủy quyền.

d) Ban Quản lý phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra hoặc báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan thanh tra tài nguyên môi trường tiến hành thanh tra để có cơ sở xử lý vi phạm, thực hiện thu hồi đất đối với các trường hợp vi phạm về đất đai tại điểm i, khoản 1, Điều 64 của Luật Đất đai.

đ) Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh và UBND cấp huyện thực hiện thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và xử lý các hành vi vi phạm hành chính trong KKT, KCN.

e) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về tình hình hoạt động kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và các hành vi vi phạm hành chính trong KKT, KCN với cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh và các Bộ, ngành Trung ương.

3. Trách nhiệm của Thanh tra tỉnh

a) Thanh tra tỉnh phải gửi Kế hoạch thanh tra sau khi được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt cho Ban Quản lý theo quy định tại Khoản 5, Điều 36 Luật Thanh tra 2010 nếu có đối tượng thanh tra thuộc Ban Quản lý KKT, KCN.

b) Đối với những vụ việc đặc biệt phức tạp, liên quan đến trách nhiệm quản lý của nhiều cấp, nhiều ngành mà đối tượng thanh tra trong KKT, KCN thì đề nghị Ban Quản lý cử cán bộ tham gia Đoàn Thanh tra liên ngành để thực hiện nhiệm vụ thanh tra.

c) Thông báo kết quả thanh tra, kiểm tra tại KCN, KKT cho cơ quan có thẩm quyền và Ban Quản lý để phối hợp tổng hợp, theo dõi.

4. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện

a) Chủ trì thanh tra các lĩnh vực chuyên ngành theo quy định của pháp luật; phối hợp với Thanh tra tỉnh, Ban Quản lý trong việc triển khai hoạt động kiểm tra, giám sát việc triển khai của các dự án đầu tư khi có đề nghị. Phối hợp tham gia hoặc đề nghị Ban Quản lý tổ chức kiểm tra đột xuất các dự án đầu tư khi phát hiện dấu hiệu vi phạm hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan tổng hợp, báo cáo, giám sát tổng thể các dự án đầu tư theo thẩm quyền. Chủ trì, phối hợp Ban Quản lý và các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện có liên quan tổ chức thanh tra các dự án chậm tiến độ so với tiến độ trong Quyết định chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư đã cấp và tham mưu cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

c) Thông báo đến Ban Quản lý về kết quả xử phạt vi phạm hành chính đối với các trường hợp vi phạm pháp luật về đầu tư theo thẩm quyền để theo dõi.

d) Định kỳ hàng năm, báo cáo công tác thanh tra, kiểm tra tại KCN, KKT cho cơ quan có thẩm quyền và gửi về Ban Quản lý KKT để phối hợp theo dõi, tổng hợp.

Điều 20. Một số lĩnh vực kinh tế - xã hội khác

1. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

Chỉ đạo cơ quan thanh tra giao thông phối hợp Công an tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện tuần tra, kiểm soát các hoạt động giao, xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về giao thông theo quy định trên địa bàn KKT, KCN.

2. Trách nhiệm của Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực về công nghiệp và thương mại sau

khi được phê duyệt; đề xuất và tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực về công nghiệp và thương mại phù hợp với thực tế và định hướng phát triển của các KKT, KCN trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý và các cơ quan, đơn vị liên quan theo dõi, quản lý hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa dịch vụ; ứng dụng thương mại điện tử trong sản xuất kinh doanh; công tác quản lý thị trường và chức năng nhiệm vụ quản lý nhà nước khác được giao thuộc lĩnh vực công nghiệp và thương mại trên địa bàn các KKT, KCN.

c) Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện các cơ chế chính sách về phát triển công nghiệp và thương mại trên địa bàn KKT, KCN (về công nghiệp hỗ trợ, xuất nhập khẩu, xúc tiến thương mại, thương mại điện tử, thương mại biên giới, khu phi thuế quan, cửa hàng miễn thuế, tạm nhập, tái xuất,...). Đề xuất, kiến nghị Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung các cơ chế chính sách phù hợp với tình hình thực tế trên địa bàn.

d) Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả quy hoạch, kế hoạch phát triển điện lực đảm bảo hệ thống cung cấp điện cho nhu cầu phát triển các KKT, KCN trên địa bàn tỉnh.

3. Trách nhiệm của Sở Y tế

a) Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý xây dựng kế hoạch định kỳ tổ chức thanh tra, kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm tại các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm và các bếp ăn tập thể của doanh nghiệp; thẩm định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm tại các bếp ăn tập thể của doanh nghiệp trong KKT, KCN; đồng thời hướng dẫn, nhắc nhở các đơn vị thực hiện các quy định của pháp luật đối với công tác bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm; điều tra, can thiệp y tế kịp thời đối với các trường hợp ngộ độc thực phẩm.

b) Phối hợp với Ban Quản lý, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan giám sát môi trường lao động; theo dõi, đánh giá tình hình sức khỏe và thực hiện công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe đối với người lao động; tổ chức khám sức khỏe định kỳ và khám sức khỏe bệnh nghề nghiệp cho người lao động; đảm bảo dự phòng và điều trị ngộ độc trong môi trường làm việc và các loại dịch bệnh đối với người lao động trong KKT, KCN.

c) Hướng dẫn, chỉ đạo khám sức khỏe và cấp Giấy chứng nhận sức khỏe cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn KKT, KCN theo quy định của Bộ Y tế.

4. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

Lập kế hoạch đầu tư mạng lưới viễn thông, mạng lưới bưu cục, các dịch vụ về bưu chính viễn thông đáp ứng tốt nhu cầu thông tin liên lạc trên địa bàn KKT, KCN.

5. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì phối hợp với Ban Quản lý lập quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành có liên quan đến KKT, KCN trình UBND tỉnh phê duyệt.

6. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

Phối hợp với Ban Quản lý và các ngành chức năng liên quan trong việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, đội ngũ công chức, viên chức phù hợp với yêu cầu thực tế của tỉnh; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức, viên chức và thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao về công tác tại Ban Quản lý nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ phát triển KKT, KCN.

7. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

Phối hợp với Ban Quản lý về việc hỗ trợ pháp lý cho các doanh nghiệp trong KKT, KCN về các lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp, thực hiện đúng chế độ chính sách của Nhà nước quy định.

8. Trách nhiệm của Sở Văn hóa và Thể thao

a) Kiểm tra, góp ý quy hoạch phát triển chi tiết các khu văn hóa, thể dục thể thao cho phù hợp với quy hoạch KKT, KCN; tham gia ý kiến cùng với Ban Quản lý tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt và quản lý đầu tư theo quy hoạch đã được phê duyệt.

b) Phối hợp với Ban Quản lý và các đơn vị có liên quan kiểm tra hoạt động của các loại hình dịch vụ văn hóa, thể thao trong KKT, KCN.

c) Tổ chức việc tiếp nhận, bảo quản các hiện vật, các công trình có giá trị lịch sử do tổ chức, cá nhân phát hiện trong phạm vi KKT, KCN (nếu có), giao nộp và xử lý theo quy định của Luật Di sản văn hóa.

9. Trách nhiệm của Sở Du lịch

Phối hợp với Ban Quản lý, các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển du lịch, dịch vụ trên địa bàn KKT, KCN trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

10. Trách nhiệm của UBND cấp huyện

UBND cấp huyện có trách nhiệm phối hợp Ban Quản lý chặt chẽ trong việc xây dựng, chỉ đạo thực hiện một số chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn KKT, KCN nhằm không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, đặc biệt là các hộ dân bị thu hồi đất, phải di dời, tái định cư. Căn cứ tiến độ đầu tư và lĩnh vực kinh doanh của các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư trên địa bàn, cùng với nhà đầu tư xây dựng kế hoạch tuyển dụng, đào tạo lực lượng lao động địa phương, xem đây là một trong những tiêu chí lựa chọn, chấp thuận nhà đầu tư đầu tư vào địa bàn KKT, KCN.

Chương III**TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 21. Trách nhiệm thi hành**

1. Ban Quản lý, các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Trưởng ban Ban Quản lý có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Quy chế này; định kỳ hàng năm tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh.

Điều 22. Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, phát sinh, các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và các đơn vị có liên quan kịp thời phản ánh về Ban Quản lý để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Cao

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/2018/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 09 tháng 02 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bãi bỏ Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 16/9/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 250/TTr-SCT ngày 07 tháng 02 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 02 năm 2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Tư pháp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, các thị xã, thành phố Huế và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Cao

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/2018/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 09 tháng 02 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành “Quy định một số chính sách hỗ trợ thực hiện
Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Thừa Thiên Huế
giai đoạn 2017 - 2020”**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị quyết số 39/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định một số chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2017 - 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 103/TTr-SKHCCN ngày 05 tháng 02 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định một số chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2017 -2020”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Ngọc Thọ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Một số chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình
phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2017 - 2020**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 09/02/2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế được cấp văn bằng bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu và giống cây trồng mới (trừ các doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài).

2. Các cơ quan quản lý nhà nước; các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có các hoạt động liên quan đến lĩnh vực sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Các nhiệm vụ của Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2017 - 2020 được ưu tiên hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ đối với các đặc sản của tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

Các chính sách hỗ trợ để thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2017 - 2020.

Chương II

CHÍNH SÁCH VÀ CƠ CHẾ HỖ TRỢ

Điều 3. Hỗ trợ theo định mức để khuyến khích phát triển tài sản trí tuệ

1. Tạo lập và đăng ký bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn: Mức hỗ trợ 30 triệu đồng/văn bằng bảo hộ được cấp.

2. Tạo lập và đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn: Mức hỗ trợ 10 triệu đồng/văn bằng bảo hộ được cấp.

3. Tạo lập và đăng ký bảo hộ nhãn hiệu thông thường của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn: Mức hỗ trợ 10 triệu đồng/văn bằng bảo hộ được cấp.

4. Tạo lập và đăng ký bảo hộ giống cây trồng mới của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn: Mức hỗ trợ 15 triệu đồng/văn bằng bảo hộ được cấp.

5. Tạo lập và đăng ký bảo hộ nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận của đặc sản địa phương ra nước ngoài: Mức hỗ trợ 40 triệu đồng/văn bằng bảo hộ được cấp tại các nước ASEAN và 60 triệu đồng/văn bằng bảo hộ được cấp tại các nước khác.

6. Hỗ trợ tham gia Hội chợ, triển lãm giới thiệu đặc sản, sản phẩm làng nghề trong nước không quá 15 triệu đồng/1 cơ sở cho một lượt tham gia; hỗ trợ không quá 30 triệu đồng/1 cơ sở cho 1 lượt tham gia Hội chợ, triển lãm giới thiệu đặc sản, sản phẩm làng nghề ở nước ngoài (được cơ quan quản lý lựa chọn). Mỗi cơ sở được hỗ trợ không quá 2 lượt/năm.

Điều 4. Hỗ trợ 50% kinh phí, để thực hiện các dự án

1. Áp dụng sáng chế, giải pháp hữu ích nhằm nâng cao năng suất, chất lượng các đặc sản trên địa bàn (kể cả sáng chế của nước ngoài không bảo hộ tại Việt Nam). Tổng kinh phí hỗ trợ không quá 500 triệu đồng/1 dự án.

2. Áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, quy trình sản xuất, sáng kiến; áp dụng các tiêu chuẩn tiên tiến trong trồng trọt, chăn nuôi; các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm trong chế biến, bảo quản nông sản, đặc sản; áp dụng quy trình truy xuất nguồn gốc của sản phẩm; xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương gắn với phát triển thương hiệu các đặc sản Huế. Tổng kinh phí hỗ trợ không quá 200 triệu đồng/1 dự án.

Điều 5. Hỗ trợ 70% kinh phí, để thực hiện các dự án

1. Tạo lập, đăng ký bảo hộ và quảng bá nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận cho các đặc sản, sản phẩm làng nghề trên địa bàn. Tổng kinh phí hỗ trợ không quá 100 triệu đồng/1 dự án.

2. Quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận cho các đặc sản địa phương, sản phẩm làng nghề, sản phẩm đặc thù của địa phương đã được bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận. Tổng kinh phí hỗ trợ không quá 350 triệu đồng/1 dự án.

3. Xây dựng, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý cho các đặc sản, sản phẩm làng nghề. Tổng kinh phí hỗ trợ không quá 1 tỷ đồng/1 dự án.

Điều 6. Ngân sách nhà nước bảo đảm 100% kinh phí, để thực hiện các nội dung

1. Nâng cao nhận thức về tạo lập, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ;
2. Tăng cường hiệu quả hoạt động quản lý và hợp tác về sở hữu trí tuệ nhằm thực hiện Chương trình.

Điều 7. Nguồn vốn và cơ chế hỗ trợ

1. Ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ hỗ trợ 100% định mức kinh phí theo quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 3 của Quy định này.

Hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ nhu cầu, xây dựng kế hoạch kèm theo dự toán kinh phí trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để thực hiện.

2. Ngân sách sự nghiệp của các ngành chủ trì tổ chức hội chợ, triển lãm hỗ trợ 100% mức kinh phí theo quy định tại Khoản 6 Điều 3 của Quy định này.

Hàng năm, căn cứ kế hoạch thực hiện, các ngành dự kiến kế hoạch và dự toán kinh phí trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để thực hiện.

3. Ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ hỗ trợ 100% mức kinh phí theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 của Quy định này.

Các nhiệm vụ quy định tại khoản này được thực hiện như một nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở, cấp tỉnh hoặc cấp quốc gia. Việc đề xuất, tuyển chọn, quản lý nhiệm vụ thực hiện theo các quy định hiện hành.

4. Ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ cấp tỉnh bảo đảm 100% kinh phí theo quy định tại Điều 6 của Quy định này.

Hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ nhu cầu, xây dựng kế hoạch kèm theo dự toán kinh phí trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để thực hiện.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của các Sở, ngành, địa phương và tổ chức, cá nhân liên quan

1. Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan tham mưu xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí hàng năm gửi Sở Tài chính thẩm định để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí thực hiện Chương trình.

c) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương, các tổ chức, cá nhân liên quan tổ chức thực hiện các nội dung của Chương trình và sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng quy định.

c) Định kỳ tổng hợp, báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời chỉ đạo, triển khai thực hiện Chương trình đảm bảo đồng bộ, hiệu quả.

2. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các Sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch hàng năm của Chương trình.

b) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí thực hiện Chương trình.

3. Các Sở, ngành liên quan: theo chức năng, nhiệm vụ được giao, đề xuất và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình đã được phê duyệt; sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng quy định. Định kỳ báo cáo về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế: theo chức năng, nhiệm vụ được giao, đề xuất và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình đã được phê duyệt; sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng quy định. Định kỳ báo cáo về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Các tổ chức, cá nhân liên quan: đề xuất và thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình đã được phê duyệt; sử dụng kinh phí được hỗ trợ đúng mục đích, đúng quy định. Định kỳ báo cáo về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 9. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các Sở, ngành, địa phương, các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Ngọc Thọ

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG ĐIỀN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2018/QĐ-UBND

Phong Điền, ngày 05 tháng 02 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế làm việc
của Ủy ban nhân dân huyện Phong Điền nhiệm kỳ 2016 - 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 75/2006/QĐ-TTg ngày 12 tháng 4 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế làm việc mẫu của Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Nội vụ huyện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân huyện Phong Điền nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 02 năm 2018 và thay thế Quyết định số 02/2013/QĐ-UBND ngày 12/4/2013 của Ủy ban nhân dân huyện về việc ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân huyện.

Điều 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, các thành viên Ủy ban nhân dân huyện; Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành cấp huyện và người đứng đầu các cơ quan, đơn vị liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trịnh Đức Hùng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG ĐIỀN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY CHẾ LÀM VIỆC
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN
NHIỆM KỲ 2016 - 2021**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2018
của Ủy ban nhân dân huyện)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc, chế độ trách nhiệm, lề lối làm việc, quan hệ công tác và trình tự giải quyết công việc của Ủy ban nhân dân huyện.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, các thành viên Ủy ban nhân dân huyện; Thủ trưởng cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện (sau đây gọi chung là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện); Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân xã) và các tổ chức, cá nhân có quan hệ làm việc với Ủy ban nhân dân huyện chịu sự điều chỉnh của Quy chế này.

Điều 2. Nguyên tắc làm việc của Ủy ban nhân dân huyện

1. Ủy ban nhân dân huyện làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, bảo đảm phát huy vai trò lãnh đạo của tập thể Ủy ban nhân dân; đồng thời đề cao trách nhiệm cá nhân của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và thành viên Ủy ban nhân dân huyện.

2. Giải quyết công việc đúng phạm vi trách nhiệm, đúng thẩm quyền; bảo đảm sự lãnh đạo của Huyện ủy, giám sát của Hội đồng nhân dân huyện và sự chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhà nước cấp trên.

3. Trong phân công công việc, mỗi việc chỉ được giao một cơ quan, đơn vị, một người phụ trách và chịu trách nhiệm chính. Cấp trên không làm thay công việc cho cấp dưới, tập thể không làm thay công việc cho cá nhân và ngược lại. Công việc được giao cho cơ quan, đơn vị thì Thủ trưởng cơ quan, đơn vị đó phải chịu trách nhiệm về công việc được giao.

4. Tuân thủ trình tự, thủ tục và thời hạn giải quyết công việc theo quy định của pháp luật, chương trình, kế hoạch công tác và Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân huyện.

5. Đề cao sự phối hợp công tác, trao đổi thông tin trong giải quyết công việc, bảo đảm dân chủ, minh bạch trong mọi hoạt động theo đúng phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

Chương II

PHẠM VI, TRÁCH NHIỆM GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Điều 3. Phạm vi, trách nhiệm và cách thức giải quyết công việc của Ủy ban nhân dân huyện

1. Ủy ban nhân dân huyện giải quyết công việc theo nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015. Ủy ban nhân dân huyện thảo luận tập thể và quyết định theo đa số các vấn đề được quy định tại Điều 28 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015 và những vấn đề quan trọng khác mà pháp luật quy định thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân huyện.

2. Cách thức giải quyết công việc của Ủy ban nhân dân huyện:

a) Thảo luận tập thể và quyết định từng vấn đề tại phiên họp Ủy ban nhân dân huyện bằng các hình thức biểu quyết được quy định cụ thể tại Điều 117, Điều 118 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015.

b) Đối với một số vấn đề do yêu cầu cấp bách hoặc không nhất thiết phải tổ chức thảo luận tập thể, theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện (sau đây gọi chung là Văn phòng) gửi toàn bộ hồ sơ và Phiếu lấy ý kiến đến từng thành viên Ủy ban nhân dân huyện để xin ý kiến. Hồ sơ gửi lấy ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân huyện áp dụng theo các quy định tại Điều 14 Quy chế này.

Việc biểu quyết bằng hình thức phiếu ghi ý kiến thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 117 và Điều 118 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015.

Điều 4. Phạm vi, trách nhiệm giải quyết công việc của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện là người lãnh đạo và điều hành công việc của Ủy ban nhân dân huyện, có trách nhiệm giải quyết công việc theo quy định tại Điều 121 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015 và những vấn đề khác mà pháp luật quy định thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định.

2. Trực tiếp chỉ đạo giải quyết những vấn đề quan trọng, cấp bách, những vấn đề có tính chất liên ngành liên quan đến nhiều lĩnh vực, đơn vị và địa phương trong huyện.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện phân công công việc cho các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, các thành viên Ủy ban nhân dân huyện; điều chỉnh phân công công việc khi cần thiết.

4. Ủy quyền một Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo công việc của Ủy ban nhân dân huyện khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện vắng mặt; trực tiếp giải quyết công việc của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện đi vắng hoặc phân công Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện khác giải quyết thay Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện đi vắng.

Điều 5. Phạm vi, trách nhiệm giải quyết công việc của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện

1. Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện phân công phụ trách một số lĩnh vực công tác, chỉ đạo một số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện và Ủy ban nhân dân xã; có trách nhiệm giải quyết công việc theo quy định tại Điều 122 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015.

2. Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện chịu trách nhiệm cá nhân về công tác của mình trước Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện; đồng thời cùng các thành viên khác của Ủy ban nhân dân huyện chịu trách nhiệm tập thể trước Hội đồng nhân dân huyện và Ủy ban nhân dân tỉnh về hoạt động của Ủy ban nhân dân huyện.

3. Trong lĩnh vực công tác được phân công, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện có nhiệm vụ, quyền hạn

a) Chủ động kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn, chỉ đạo cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân xã trong việc tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện, quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, chủ trương, chính sách, pháp luật nhà nước về lĩnh vực được phân công;

b) Chỉ đạo việc xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, đề án thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách phù hợp với nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện, quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân huyện, quy hoạch ngành, quy hoạch tổng thể của các cơ quan nhà nước cấp trên và đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

c) Được sử dụng quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện trong việc quyết định giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực được phân công và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện về quyết định đó;

d) Báo cáo và đề xuất với Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xem xét, quyết định xử lý kịp thời công việc liên quan đến lĩnh vực được phân công phụ trách đã phối hợp xử lý nhưng ý kiến chưa thống nhất.

Điều 6. Phạm vi, trách nhiệm giải quyết công việc của thành viên Ủy ban nhân dân huyện

1. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện về công việc được phân công phụ trách; đồng thời tham gia giải quyết công việc chung của Ủy ban nhân dân huyện, cùng các thành viên khác của Ủy ban nhân dân huyện chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Ủy ban nhân dân huyện trước Hội đồng nhân dân huyện và Ủy ban nhân dân tỉnh; có trách nhiệm giải quyết công việc theo quy định tại Điều 123 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015.

2. Trực tiếp chỉ đạo, điều hành trên các lĩnh vực được phân công; giải quyết theo thẩm quyền và trình Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện giải quyết các đề nghị của cơ quan, đơn vị thuộc lĩnh vực công tác được phân công phụ trách.

3. Tham dự đầy đủ các phiên họp Ủy ban nhân dân, trường hợp vắng mặt phải báo cáo và được sự đồng ý của người chủ trì phiên họp; tham gia ý kiến và biểu quyết về các vấn đề thảo luận tại phiên họp Ủy ban nhân dân huyện; tham gia ý kiến với các thành viên khác của Ủy ban nhân dân huyện, Thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân huyện để xử lý các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực được phân công phụ trách hoặc các vấn đề thuộc chức năng quản lý của mình.

4. Thực hiện nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

Điều 7. Phạm vi, trách nhiệm giải quyết công việc của Thủ trưởng các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân huyện

1. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân huyện và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền quản lý nhà nước được giao trên địa bàn huyện và chịu sự kiểm tra, hướng dẫn, chỉ đạo về công tác chuyên môn, nghiệp vụ của cơ quan chuyên môn cấp trên.

2. Chịu trách nhiệm chấp hành các quyết định, chỉ đạo của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện; trường hợp thực hiện chậm hoặc chưa thực hiện được phải kịp thời báo cáo và nêu rõ lý do.

3. Thủ trưởng các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân huyện giải quyết các công việc sau:

a) Giải quyết những kiến nghị của tổ chức, cá nhân liên quan đến chức năng, thẩm quyền quản lý của cơ quan, đơn vị mình; trình Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện phụ trách lĩnh vực những việc vượt thẩm quyền hoặc những việc đã phối hợp giải quyết nhưng ý kiến chưa thống nhất;

b) Chủ động đề xuất, tham gia ý kiến về những công việc chung của Ủy ban nhân dân huyện và thực hiện các nhiệm vụ công tác theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, sự phân công của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn cấp trên;

c) Chủ trì soạn thảo văn bản, đề án liên quan đến chức năng, thẩm quyền, lĩnh vực quản lý của cơ quan, đơn vị mình. Tham gia ý kiến với cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản, đề án khi có những vấn đề liên quan đến chức năng, thẩm quyền, lĩnh vực quản lý của cơ quan, đơn vị mình.

4. Khi có nhiệm vụ đột xuất, cấp bách, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện giao nhiệm vụ trực tiếp cho các đồng chí cấp phó của cơ quan để tham mưu thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể, người được giao nhiệm vụ báo cáo với Thủ trưởng cơ quan và chủ động tổ chức thực hiện, đồng thời báo cáo kết quả tham mưu với Thủ trưởng cơ quan trước khi báo cáo người giao nhiệm vụ theo yêu cầu.

Điều 8. Phạm vi, trách nhiệm giải quyết công việc của Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện

Ngoài việc thực hiện các quy định tại Điều 6, Điều 7 Quy chế này, Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện (sau đây gọi chung là Chánh Văn phòng) còn có trách nhiệm sau:

1. Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác, báo cáo sơ kết, tổng kết hoạt động, báo cáo kiểm điểm công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân huyện và các báo cáo khác của Ủy ban nhân dân huyện theo sự chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

2. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các chương trình, kế hoạch công tác, các quyết định, chỉ thị, văn bản, ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân huyện.

3. Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân huyện thông qua và giúp Ủy ban nhân dân huyện kiểm tra, đôn đốc, tổng kết việc thực hiện Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân huyện. Giúp Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện Quy chế phối hợp công tác giữa Ủy ban nhân dân huyện với Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, các tổ chức Đoàn thể chính trị - xã hội huyện.

4. Theo dõi, nắm tình hình hoạt động chung của Ủy ban nhân dân huyện, tổ chức việc thu thập, tổng hợp và cung cấp thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

5. Quản lý hoạt động của Trung tâm Hành chính công huyện.

6. Bảo đảm các điều kiện làm việc và tổ chức phục vụ các hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

7. Quản lý thống nhất việc ban hành, công bố văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

8. Giải quyết một số công việc cụ thể khác do Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện giao.

Điều 9. Quan hệ công tác của Ủy ban nhân dân huyện

1. Ủy ban nhân dân huyện chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân tỉnh; chấp hành mọi văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất theo chế độ quy định hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh. Có trách nhiệm chấp hành các Nghị quyết và các văn bản do Hội đồng nhân dân huyện ban hành; đồng thời chịu sự giám sát của Hội đồng nhân dân huyện trong việc chỉ đạo, điều hành thực hiện các nghị quyết của Huyện ủy, Hội đồng nhân dân huyện, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Ủy ban nhân dân huyện phối hợp chặt chẽ với Thường trực Hội đồng nhân dân huyện trong việc chuẩn bị chương trình và nội dung làm việc của các kỳ họp Hội đồng nhân dân, các báo cáo, đề án của Ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân huyện; giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện; giải quyết theo thẩm quyền các kiến nghị của Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện và trả lời chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện.

3. Ủy ban nhân dân huyện phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các đoàn thể chính trị-xã hội huyện chăm lo, bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân; tuyên truyền, giáo dục, vận động nhân dân tham gia xây dựng, củng cố chính quyền vững mạnh, tự giác thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm tạo điều kiện để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ; xem xét, giải quyết theo thẩm quyền các kiến nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện.

4. Ủy ban nhân dân huyện phối hợp với Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân huyện trong việc đấu tranh phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật; bảo đảm thi hành pháp luật, giữ vững kỷ cương, kỷ luật hành chính và tổ chức việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật tại địa phương.

Chương III**CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN****Điều 10. Các loại chương trình công tác**

1. Chương trình công tác năm của Ủy ban nhân dân huyện gồm: Những nhiệm vụ, giải pháp của Ủy ban nhân dân huyện trên các lĩnh vực được quy định tại Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; các báo cáo, đề án về cơ chế chính sách, quy hoạch, kế hoạch... thuộc phạm vi quyết định, phê duyệt của Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện hoặc trình Hội đồng nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong năm.

2. Chương trình công tác tháng là cụ thể hóa chương trình công tác năm được quy định thực hiện trong từng tháng và những công việc cần bổ sung, điều chỉnh trong tháng.

3. Chương trình công tác tuần gồm các công việc mà Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện giải quyết hàng ngày trong tuần.

Điều 11. Trình tự xây dựng chương trình công tác

1. Xây dựng Chương trình công tác năm:

a) Chậm nhất vào ngày 30 tháng 10 hàng năm, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân xã gửi Văn phòng danh mục các đề án, văn bản cần trình Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ban hành hoặc trình Hội đồng nhân dân huyện ban hành trong năm tới (sau đây gọi tắt là đề án, văn bản). Các đề án, văn bản trong chương trình công tác phải ghi rõ số thứ tự, tên đề án, tên văn bản, nội dung chính của đề án, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và thời gian trình;

b) Văn phòng tổng hợp, dự kiến chương trình công tác năm sau của Ủy ban nhân dân huyện, gửi lại các thành viên Ủy ban nhân dân huyện, các cơ quan liên quan tham gia ý kiến;

c) Sau bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được dự thảo Chương trình công tác năm sau của Ủy ban nhân dân huyện, các thành viên UBND huyện, cơ quan được tham gia ý kiến có trách nhiệm trả lời và gửi Văn phòng hoàn chỉnh, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xem xét, trình Ủy ban nhân dân huyện vào phiên họp thường kỳ cuối năm;

d) Sau bảy (07) ngày làm việc, kể từ khi Chương trình công tác năm sau được Ủy ban nhân dân huyện thông qua, Văn phòng trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện duyệt, gửi thành viên Ủy ban nhân dân huyện, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân xã biết, thực hiện.

2. Xây dựng Chương trình công tác tháng:

a) Chậm nhất vào ngày 20 hàng tháng, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân xã căn cứ vào tiến độ chuẩn bị các đề án, văn bản đã ghi trong Chương trình công tác năm, những vấn đề còn tồn đọng hoặc mới phát sinh, xây dựng chương trình công tác tháng sau của đơn vị mình tổng hợp trong báo cáo hàng tháng, gửi Văn phòng.

b) Văn phòng tổng hợp Chương trình công tác hàng tháng của Ủy ban nhân dân huyện; Chương trình công tác tháng của Ủy ban nhân dân huyện cần được chia theo từng lĩnh vực do Chủ tịch, các Phó Chủ tịch phụ trách giải quyết; Văn phòng trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xem xét, trình Ủy ban nhân dân huyện vào phiên họp thường kỳ hàng tháng; sau khi được thông qua, phê duyệt, Văn phòng gửi các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện và Ủy ban nhân dân xã biết, thực hiện.

3. Xây dựng Chương trình công tác tuần:

a) Căn cứ vào chương trình công tác tháng và chỉ đạo của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, Văn phòng xây dựng Chương trình công tác tuần sau của Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, chậm nhất vào chiều chủ nhật hàng tuần và thông báo cho các cơ quan, địa phương liên quan biết, thực hiện.

b) Căn cứ vào Chương trình công tác tuần của UBND huyện và công việc của đơn vị, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, UBND xã xây dựng chương trình công tác tuần của lãnh đạo đơn vị, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện (qua địa chỉ mail công vụ của UBND huyện) chậm nhất vào chiều thứ hai của tuần.

4. Văn phòng có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện trong việc xây dựng, điều chỉnh và đôn đốc việc thực hiện chương trình công tác của Ủy ban nhân dân huyện. Việc điều chỉnh chương trình công tác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định, Văn phòng thông báo kịp thời để các thành viên Ủy ban nhân dân huyện, Thủ trưởng cơ quan liên quan biết, thực hiện.

5. Trong quá trình xây dựng Chương trình công tác, Văn phòng phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Huyện ủy để không xảy ra tình trạng chồng chéo hoạt động giữa Huyện ủy, Hội đồng nhân dân huyện và Ủy ban nhân dân huyện.

Điều 12. Theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện chương trình công tác

1. Định kỳ tháng, quý, 6 tháng và năm, trên cơ sở các chương trình công tác của Ủy ban nhân dân huyện được phê duyệt, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện và Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm rà soát, kiểm điểm kết quả thực hiện phần công việc của đơn vị mình, thông báo với Văn phòng kết quả xử lý các đề án, công việc do cơ quan mình chủ trì; các đề án, công việc còn tồn đọng, hướng xử lý tiếp theo và những kiến nghị điều chỉnh, bổ sung văn bản, đề án vào chương trình công tác kỳ tới của Ủy ban nhân dân huyện.

2. Văn phòng có trách nhiệm tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định điều chỉnh, bổ sung vào chương trình công tác, phù hợp với yêu cầu chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân huyện; định kỳ 6 tháng và năm báo cáo Ủy ban nhân dân huyện kết quả thực hiện chương trình công tác chung của Ủy ban nhân dân huyện.

Điều 13. Chuẩn bị đề án, văn bản trình Ủy ban nhân dân huyện

1. Trên cơ sở chương trình, kế hoạch công tác của Ủy ban nhân dân huyện, Thủ trưởng cơ quan được giao chủ trì soạn thảo tiến hành lập kế hoạch dự thảo văn bản, đề án. Kế hoạch dự thảo văn bản, đề án của cơ quan chủ trì cần xác định rõ số thứ tự, tên văn bản, đề án, nội dung chính của đề án, văn bản, đơn vị chủ trì soạn thảo, đơn vị phối hợp, tiến độ thực hiện và thời gian trình.

2. Thủ trưởng cơ quan chủ trì soạn thảo đề án, văn bản có trách nhiệm tổ chức việc xây dựng nội dung văn bản, đề án bảo đảm đúng thể thức, thủ tục, trình tự soạn thảo; lấy ý kiến tham gia của các cơ quan liên quan, ý kiến thẩm định của Phòng Tư pháp huyện (đối với văn bản quy phạm pháp luật) và bảo đảm thời hạn trình. Trường hợp cần phải điều chỉnh nội dung, phạm vi hoặc thời hạn trình, Thủ trưởng cơ quan chủ trì soạn thảo phải báo cáo Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện phụ trách xem xét, quyết định.

Trong trường hợp Thủ trưởng các cơ quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã được giao nhiệm vụ Chủ trì soạn thảo các báo cáo, đề án nếu có vấn đề vướng mắc mà cơ quan, địa phương được giao Chủ trì không giải quyết được thì đơn vị Chủ trì phải kịp thời báo cáo Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện phụ trách để chỉ đạo xử lý; thời gian hoàn thành công việc không quá ba (03) ngày làm việc.

3. Đối với văn bản quy phạm pháp luật, việc lấy ý kiến và trả lời ý kiến phải tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều 138 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch UBND xã khi được yêu cầu tham gia ý kiến về đề án, văn bản có liên quan đến lĩnh vực quản lý của cơ quan, địa phương mình, có trách nhiệm trả lời bằng văn bản theo đúng nội dung, thời gian yêu cầu và chịu trách nhiệm về ý kiến tham gia. Nếu quá thời hạn được ghi trong công văn lấy ý kiến nhưng không có văn bản tham gia thì xem như đã đồng ý với đề án, văn bản đó.

4. Chánh Văn phòng có trách nhiệm giúp Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện theo dõi, đôn đốc việc chuẩn bị đề án, văn bản trình Ủy ban nhân dân huyện.

Chương IV

THỦ TỤC TRÌNH, BAN HÀNH VÀ KIỂM TRA VIỆC THỰC HIỆN VĂN BẢN

Điều 14. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ban hành đề án, văn bản

1. Nội dung Tờ trình đề án, văn bản gồm: Sự cần thiết, luận cứ ban hành đề án, văn bản; những nội dung chính của đề án, văn bản và những ý kiến còn khác nhau. Tờ trình phải do người có thẩm quyền ký và đóng dấu đúng quy định.

2. Dự thảo đề án, văn bản.

3. Văn bản thẩm định của Phòng Tư pháp huyện (đối với văn bản quy phạm pháp luật).

4. Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan và giải trình tiếp thu của cơ quan chủ trì soạn thảo đề án, văn bản.

5. Văn bản tham gia ý kiến của các cơ quan có liên quan.

6. Các tài liệu cần thiết khác (nếu có).

Điều 15. Thẩm tra hồ sơ đề án, văn bản trình

1. Tất cả hồ sơ về đề án, văn bản do cơ quan chủ trì soạn thảo, trước khi trình Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện phải qua Văn phòng để làm thủ tục vào sổ công văn đến. Văn phòng thực hiện việc thẩm tra về nội dung, hình thức và thể thức văn bản.

2. Khi nhận được hồ sơ trình, Văn phòng kiểm tra hồ sơ về thủ tục, thể thức, hình thức văn bản:

a) Nếu hồ sơ do cơ quan chủ trì soạn thảo gửi trình không đúng quy định tại Điều 14 Quy chế này, tối đa trong hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận, Văn phòng trả lại và yêu cầu cơ quan chủ trì bổ sung hồ sơ theo quy định;

b) Nếu hồ sơ trình không phù hợp về thể thức, hình thức; nội dung văn bản không bảo đảm về chuyên môn và tính thống nhất thì Văn phòng trao đổi, thống nhất với cơ quan chủ trì soạn thảo để chỉnh sửa cho phù hợp;

Trường hợp giữa cơ quan chủ trì soạn thảo và Văn phòng không thống nhất thì Văn phòng báo cáo Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện phụ trách quyết định.

Điều 16. Xử lý hồ sơ trình giải quyết công việc

1. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xem xét, giải quyết công việc chủ yếu dựa trên hồ sơ, tài liệu về đề án, văn bản của cơ quan soạn thảo trình và ý kiến thẩm tra của Văn phòng.

2. Đối với công việc có nội dung không phức tạp thì chậm nhất hai (02) ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ trình, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện cho ý kiến giải quyết hoặc ký ban hành. Đối với vấn đề có nội dung phức tạp, cần thiết phải đưa ra họp thảo luận, hoặc phải trình Ủy ban nhân dân huyện xem xét, quyết định thì Chủ tịch, các Phó Chủ tịch giao Văn phòng phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo đề án, văn bản để bố trí thời gian và chuẩn bị nội dung làm việc.

3. Khi đề án, văn bản trình đã được Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện cho ý kiến giải quyết, Văn phòng phối hợp với cơ quan trình hoàn chỉnh đề án, văn bản, trình Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ký, ban hành.

Điều 17. Thẩm quyền ký văn bản

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ký các văn bản sau đây:

Các văn bản thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quy định tại Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015 và các văn bản khác quy định thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

2. Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ký thay Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện những văn bản thuộc lĩnh vực được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện phân công phụ trách hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ủy quyền.

3. Chánh Văn phòng ký thừa lệnh Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện giấy mời họp và văn bản thông báo kết luận của Chủ tịch, Phó Chủ tịch trong các phiên họp Ủy ban nhân dân huyện, các văn bản giấy tờ khác khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện giao.

Điều 18. Phát hành, công bố văn bản

1. Văn phòng chịu trách nhiệm phát hành văn bản của Hội đồng nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ban hành trong thời gian không quá hai (02) ngày, kể từ ngày văn bản được ký; bảo đảm đúng thủ tục, đúng địa chỉ.

2. Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân huyện ban hành phải được niêm yết theo luật định và gửi đến các cơ quan cấp trên, các cơ quan có thẩm quyền giám sát, các tổ chức, cá nhân hữu quan tại địa phương và nhân dân biết; gửi đăng Công báo cấp tỉnh theo quy định.

3. Văn bản do Hội đồng nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân huyện ban hành phải được phân loại, lưu trữ một cách khoa học và cập nhật kịp thời.

4. Chánh Văn phòng có trách nhiệm tổ chức việc quản lý, cập nhật, khai thác văn bản phát hành, văn bản đến của Ủy ban nhân dân huyện theo quy định của pháp luật về văn thư, lưu trữ và Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân huyện.

Điều 19. Kiểm tra việc thi hành văn bản

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo thường xuyên tự kiểm tra hoặc tổ chức đoàn kiểm tra chuyên đề việc thi hành văn bản tại địa phương khi cần thiết; quyết định xử lý hoặc ủy quyền cho Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền xử lý văn bản trái pháp luật, sửa đổi, bổ sung những quy định không còn phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện kiểm tra việc thi hành văn bản thông qua làm việc trực tiếp với cơ quan, đơn vị thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách nhằm chấn chỉnh kịp thời những vi phạm về kỷ cương, kỷ luật hành chính nhà nước và nâng cao trách nhiệm thi hành văn bản; xử lý theo thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện văn bản trái pháp luật, bổ sung, sửa đổi những quy định không còn phù hợp thuộc lĩnh vực phụ trách khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ủy quyền.

3. Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện thường xuyên tự kiểm tra và rà soát việc thi hành văn bản, kịp thời báo cáo và kiến nghị Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện phụ trách xử lý theo thẩm quyền văn bản ban hành trái pháp luật, sửa đổi, bổ sung những quy định không còn phù hợp thuộc lĩnh vực quản lý của cơ quan, đơn vị mình.

4. Phòng Tư pháp huyện có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác kiểm tra văn bản tại địa phương theo quy định pháp luật.

Chương V

CHẾ ĐỘ HỘI HỌP, TIẾP KHÁCH, ĐI CÔNG TÁC VÀ THÔNG TIN BÁO CÁO

Điều 20. Phiên họp Ủy ban nhân dân huyện

1. Chuẩn bị và triệu tập phiên họp

a) Ủy ban nhân dân huyện, mỗi tháng họp ít nhất một lần. Thời gian triệu tập phiên họp do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định. Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện được ủy quyền chủ tọa phiên họp. Người chủ trì việc thảo luận từng đề án, văn bản trình Ủy ban nhân dân huyện theo lĩnh vực được phân công;

b) Cơ quan chủ trì soạn thảo đề án, văn bản phải gửi dự thảo trước để Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện phụ trách lĩnh vực xem xét, quyết định việc trình ra phiên họp;

c) Văn phòng có nhiệm vụ dự kiến chương trình và thành phần phiên họp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định; đôn đốc các cơ quan chủ trì đề án, văn bản gửi hồ sơ trình và các tài liệu liên quan; kiểm tra hồ sơ đề án, văn bản trình; gửi giấy mời qua phần mềm Đăng ký lịch họp và phát hành giấy mời qua mạng (đối với các đơn vị trong hệ thống), gửi trước tài liệu kỳ họp đến các thành viên Ủy ban nhân dân huyện và đại biểu; chuẩn bị các điều kiện phục vụ phiên họp.

2. Thành phần dự phiên họp:

a) Thành viên Ủy ban nhân dân huyện phải tham dự đầy đủ các phiên họp Ủy ban nhân dân huyện, nếu vắng mặt phải được người chủ trì phiên họp đồng ý. Ủy viên Ủy ban nhân dân, đồng thời là Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, có thể ủy nhiệm cho cấp phó của mình dự họp thay nếu vắng mặt và chịu trách nhiệm về ý kiến phát biểu tại phiên họp của người do mình ủy nhiệm. Phiên họp Ủy ban nhân dân huyện chỉ được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên Ủy ban nhân dân huyện tham dự;

b) Tùy theo tính chất, nội dung phiên họp, chủ tọa phiên họp quyết định mời các cơ quan, ban ngành liên quan, Ủy ban nhân dân xã tham dự phiên họp.

c) Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân xã dự họp đúng thành phần và thời gian trong giấy mời (hoặc qua thông tin của Văn phòng, của cơ quan được giao truyền đạt mời họp).

3. Đại biểu dự họp không phải là thành viên Ủy ban nhân dân huyện được mời phát biểu ý kiến, nhưng không có quyền biểu quyết.

4. Trình tự phiên họp:

a) Chánh Văn phòng báo cáo số thành viên Ủy ban nhân dân có mặt, vắng mặt, những người dự họp thay, đại biểu mời và thông báo chương trình phiên họp;

b) Chủ tọa điều hành phiên họp;

c) Ủy ban nhân dân huyện thảo luận từng đề án, văn bản theo trình tự:

- Thủ trưởng cơ quan chủ trì soạn thảo trình bày tóm tắt đề án, văn bản (không trình bày toàn văn), nêu rõ những vấn đề còn có ý kiến khác nhau, những vấn đề cần thảo luận và xin ý kiến tại phiên họp về đề án, văn bản;

- Các đại biểu dự họp phát biểu ý kiến nói rõ những nội dung đồng ý, không đồng ý, những nội dung cần làm rõ hoặc kiến nghị điều chỉnh, bổ sung;

- Thủ trưởng cơ quan chủ trì soạn thảo đề án, văn bản phát biểu ý kiến tiếp thu, giải trình những điểm chưa rõ, chưa nhất trí; trả lời các câu hỏi của đại biểu;

- Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch chủ trì thảo luận đề án kết luận và lấy biểu quyết. Nếu được quá nửa số thành viên Ủy ban nhân dân huyện tán thành thì đề án, văn bản được thông qua; trường hợp còn vấn đề thảo luận chưa rõ, chủ tọa đề nghị Ủy ban nhân dân huyện chưa thông qua và yêu cầu cơ quan chủ trì soạn thảo đề án chuẩn bị thêm;

- Chủ tọa phát biểu kết luận phiên họp Ủy ban nhân dân huyện.

5. Biên bản và thông báo kết quả phiên họp:

a) Biên bản phiên họp Ủy ban nhân dân huyện phải được ghi đầy đủ, chính xác các ý kiến phát biểu, diễn biến của phiên họp, kết quả biểu quyết (nếu có), ý kiến kết luận của chủ tọa. Biên bản có chữ ký của chủ tọa; lưu hồ sơ của Ủy ban nhân dân huyện;

b) Chánh Văn phòng tổ chức việc ghi biên bản và có trách nhiệm thông báo kịp thời bằng văn bản về ý kiến kết luận của chủ tọa phiên họp, gửi các thành viên Ủy ban nhân dân huyện, các cơ quan liên quan biết, thực hiện.

Điều 21. Hợp xử lý công việc thường xuyên của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện

1. Hợp giao ban hàng tuần: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện tiến hành họp giao ban định kỳ hàng tuần.

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định việc triệu tập, thành phần, nội dung, thời gian và chủ trì họp giao ban. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt, ủy quyền cho 01 Phó Chủ tịch chủ trì thay;

b) Thành phần họp giao ban gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và Lãnh đạo Văn phòng. Đồng thời mời các đồng chí Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện, các đồng chí Phó trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân huyện cùng tham dự để xem xét, cho ý kiến, thống nhất chương trình công tác tuần và các công việc có liên quan. Trường hợp cần thiết, có thể mời Thủ trưởng một số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã để bàn những vấn đề có liên quan;

c) Trình tự và nội dung họp giao ban: Chánh Văn phòng báo cáo những công việc chính đã xử lý trong tuần; những công việc tồn đọng, mới phát sinh cần xin ý kiến Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và dự kiến Chương trình công tác tuần. Đại biểu dự họp phát biểu ý kiến, đề xuất biện pháp xử lý thuộc thẩm quyền. Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện chủ trì phát biểu kết luận họp giao ban.

2. Họp xử lý các công việc phức tạp, đột xuất, cấp bách:

a) Theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, Văn phòng có trách nhiệm mời các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan đến nội dung họp, yêu cầu chuẩn bị tài liệu liên quan; ra thông báo ý kiến kết luận của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện chủ trì cuộc họp hoặc phối hợp với cơ quan chủ trì đề án hoàn chỉnh đề án, văn bản, trình Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định;

b) Đại biểu được mời dự họp có trách nhiệm tham gia đúng thành phần, đúng thời gian và chuẩn bị ý kiến về công việc được đưa ra thảo luận tại cuộc họp;

c) Cơ quan chủ trì công việc được đưa ra thảo luận tại cuộc họp có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ tài liệu, ý kiến giải trình; phối hợp với Văn phòng dự thảo thông báo ý kiến kết luận của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện tại cuộc họp hoặc hoàn chỉnh văn bản, trình Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định.

Điều 22. Tổ chức họp, hội nghị của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân xã

1. Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã có quyền quyết định và chịu trách nhiệm về việc tổ chức họp, hội nghị để triển khai hoặc sơ kết, tổng kết công tác, thảo luận chuyên môn, tập huấn nghiệp vụ trong lĩnh vực quản lý của cấp mình. Tất cả các cuộc họp, hội nghị phải được tổ chức ngắn gọn, đúng thành phần; bảo đảm thiết thực, tiết kiệm và hiệu quả.

2. Nếu việc tổ chức họp, hội nghị có mời Chủ tịch hoặc các Phó Chủ tịch UBND huyện tham dự thì phải có văn bản (hoặc thông tin với Chánh Văn phòng) để phối hợp bố trí lịch và chậm nhất trước 3 ngày tổ chức phiên họp, gửi tài liệu họp đến lãnh đạo UBND huyện. Đối với những phiên họp đột xuất, cấp bách, sau khi nhận

được thông tin, Chánh Văn phòng kịp thời báo cáo Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND huyện quyết định.

Điều 23. Tiếp khách của Ủy ban nhân dân huyện

1. Văn phòng trình Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện về thời gian và nội dung tiếp khách theo đề nghị của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện hoặc của khách; phối hợp với cơ quan liên quan chuẩn bị liên quan chuẩn bị chương trình, nội dung và tổ chức phục vụ cuộc làm việc hoặc tiếp xã giao, chiêu đãi các đoàn khách. Chế độ tiếp khách thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Các cơ quan, đơn vị có khách nước ngoài đến liên hệ công tác, làm việc với Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện phải báo cáo với lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện (qua Văn phòng) và phối hợp với Công an huyện, cơ quan liên quan để bảo đảm an ninh, an toàn cho khách và cơ quan theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Đi công tác

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân huyện đi công tác ngoài phạm vi huyện hoặc vắng mặt trên hai (02) ngày phải báo cáo và được sự đồng ý của Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện phụ trách; đồng thời, trong thời gian đi vắng phải ủy quyền cho cấp phó của mình giải quyết công việc thay.

2. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên Ủy ban nhân dân huyện, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân huyện phải dành thời gian thích hợp để đi cơ sở, tiếp xúc với nhân dân, kiểm tra, nắm tình hình thực tế; kịp thời giúp cơ sở giải quyết khó khăn, vướng mắc mới phát sinh và chấn chỉnh kịp thời những sai phạm.

Điều 25. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân huyện phải thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất với Ủy ban nhân dân huyện và các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh;

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm tổng hợp báo cáo về ngành, lĩnh vực theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân huyện, Huyện ủy, Hội đồng nhân dân huyện.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch ngoài các nhiệm vụ nói trên, có trách nhiệm tổng hợp và trình tại phiên họp thường kỳ của UBND huyện các báo cáo về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm; tổng hợp báo cáo tình hình hình thực hiện các chương trình trọng điểm định kỳ 6 tháng, năm.

3. Chánh Văn phòng có trách nhiệm tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng tháng (trừ các mốc thời gian đã giao Phòng Tài chính - Kế hoạch báo cáo); báo cáo kiểm điểm chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân huyện định kỳ 6 tháng và năm; báo cáo tổng kết nhiệm kỳ và các báo cáo đột xuất gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Thường vụ Huyện ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân huyện; đồng thời gửi các thành viên Ủy ban nhân dân huyện, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

4. Thời hạn gửi các báo cáo định kỳ (trừ các báo cáo đột xuất và các báo cáo theo chỉ đạo của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và của các cơ quan cấp trên) để các cơ quan chủ trì tổng hợp như sau:

- Báo cáo tháng: Trước ngày 20 hàng tháng;
- Báo cáo quý: Trước ngày 15 của tháng cuối quý;
- Báo cáo 6 tháng: Trước ngày 30 tháng 5;
- Báo cáo năm: Trước ngày 15 tháng 11.

5. Chánh Văn phòng có trách nhiệm cung cấp thông tin về tình hình hoạt động của Ủy ban nhân dân huyện, tình hình kinh tế - xã hội của địa phương cho các đoàn thể nhân dân cùng cấp, cơ quan thông tin đại chúng để thông tin cho nhân dân.

Chương VI

TIẾP DÂN, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỔ CÁO

Điều 26. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện

1. Chỉ đạo Chánh Thanh tra huyện, Chánh Văn phòng, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã thực hiện công tác thanh tra, tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định của pháp luật.

2. Phối hợp chặt chẽ với Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, các đoàn thể chính trị - xã hội huyện trong việc tổ chức tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện trực tiếp hoặc ủy quyền Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện tiếp công dân định kỳ một (01) buổi/tuần tại Trụ sở Ban Tiếp công dân huyện hoặc cơ sở.

4. Giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền theo quy định của Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo.

5. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nếu để xảy ra tình trạng khiếu nại, tố cáo tồn đọng, kéo dài, vượt cấp tại địa phương.

Điều 27. Trách nhiệm của thành viên Ủy ban nhân dân huyện

1. Trong phạm vi chức năng, quyền hạn của mình, các Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật

về công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện các kết luận và quyết định của cơ quan có thẩm quyền về giải quyết khiếu nại, tố cáo tại các cơ quan, đơn vị, lĩnh vực được phân công phụ trách.

2. Tham gia với Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và Thủ trưởng các cơ quan liên quan đề xuất giải pháp xử lý, giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo tồn đọng, kéo dài, phức tạp tại địa phương.

3. Thực hiện nhiệm vụ trực tiếp tiếp dân theo trách nhiệm, quyền hạn được giao và tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện phân công.

Điều 28. Trách nhiệm của Chánh Thanh tra huyện

1. Phối hợp với Chánh Văn phòng tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện tổ chức, chỉ đạo hoạt động thanh tra, tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong phạm vi thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

2. Phối hợp với Văn phòng và các cơ quan liên quan xây dựng lịch tiếp dân của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

3. Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền hoặc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ủy quyền theo quy định của Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo.

4. Tổ chức hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân xã thực hiện nhiệm vụ tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất về kết quả hoạt động thanh tra, tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo chế độ quy định hoặc yêu cầu của Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và Thanh tra cấp tỉnh.

Điều 29. Trách nhiệm của Trưởng Ban Tiếp công dân huyện

1. Bố trí phòng làm việc, nơi đón tiếp công dân bảo đảm thuận lợi, dễ dàng.

2. Phối hợp với Chánh Thanh tra huyện xây dựng lịch tiếp dân của Ủy ban nhân dân huyện.

3. Trả lời đương sự có đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo khi được Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ủy quyền.

4. Thực hiện các nội dung theo nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 14 Luật Tiếp công dân năm 2013.

Điều 30. Trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện

1. Thường xuyên tự kiểm tra việc thực hiện các quyết định về giải quyết khiếu nại, tố cáo của Ủy ban nhân dân huyện, các cơ quan nhà nước cấp trên tại cơ quan, đơn vị mình.

2. Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo; báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết những kiến nghị, khiếu nại của công dân liên quan đến lĩnh vực quản lý của cơ quan, đơn vị mình.

3. Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các kết luận, quyết định của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân liên quan đến lĩnh vực quản lý của cơ quan, đơn vị mình.

4. Phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo có liên quan đến cá nhân, tổ chức thuộc quyền quản lý của mình.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện cùng Trưởng phòng Nội vụ có trách nhiệm thường xuyên đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này ở các đơn vị chuyên môn thuộc UBND huyện, UBND các xã, thị trấn; kịp thời đề xuất Ủy ban nhân dân huyện xem xét sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân huyện phù hợp với tình hình thực tế và quy định của pháp luật./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trịnh Đức Hùng

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH****ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/CT-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 07 tháng 02 năm 2018

CHỈ THỊ**Về việc chấn chỉnh công tác đấu thầu trong các dự án đầu tư phát triển
và hoạt động mua sắm thường xuyên sử dụng vốn nhà nước**

Triển khai thực hiện Chỉ thị số 47/CT-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh công tác đấu thầu trong các dự án đầu tư phát triển và hoạt động mua sắm thường xuyên sử dụng vốn nhà nước, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế; các chủ đầu tư, bên mời thầu và các đơn vị có liên quan thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về đấu thầu và các quy định có liên quan, cụ thể như sau:

I. ĐỐI VỚI CHỦ ĐẦU TƯ, BÊN MỜI THẦU

1. Thực hiện nghiêm túc các quy định về lựa chọn nhà thầu, từ khâu cung cấp thông tin, đánh giá, trình thẩm định và phê duyệt các nội dung trong đấu thầu nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, bảo đảm chất lượng của dịch vụ, hàng hóa và công trình theo yêu cầu.

2. Thực hiện nghiêm việc đăng tải công khai HSMT/HSYC trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo đúng quy định tại Điều 8 Luật đấu thầu số 43/2013/QH13; Điều 7, Điều 8 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP và lộ trình áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 08 tháng 9 năm 2015 của liên Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Tài chính quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu qua mạng.

Sau khi đăng tải hoặc Báo đấu thầu, Chủ đầu tư/Bên mời thầu phải đăng tải thông tin mời thầu và đính thành công thông báo mời thầu trên Hệ thống đấu thầu quốc gia kèm file hồ sơ mời thầu lên trang Thông tin mời thầu của tỉnh tại địa chỉ <http://dauthau.thuathienhue.gov.vn>.

Sau khi phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu (trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt) Chủ đầu tư/Bên mời thầu phải cập nhật kết quả lựa chọn nhà thầu lên hệ thống <http://dauthau.thuathienhue.gov.vn>.

Trường hợp Chủ đầu tư/bên mời thầu không tuân thủ quy định về đăng tải thông tin trong đấu thầu sẽ bị xử lý nghiêm theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 50/2016/NĐ-CP ngày 01/6/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.

3. Về xây dựng HSMT/HSYC: Cần chấn chỉnh việc phân chia gói thầu. Khi phân chia dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu phải căn cứ theo tính chất kỹ thuật, trình tự thực hiện; bảo đảm tính đồng bộ của dự án, dự toán mua sắm và quy mô gói thầu hợp lý. Không được chia những công việc của dự án thành các gói thầu quá nhỏ, làm giảm sự thống nhất, đồng bộ về kỹ thuật và công nghệ. Nghiêm cấm việc chia dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu trái với quy định của Luật đấu thầu nhằm mục đích chỉ định thầu hoặc hạn chế sự tham gia của các nhà thầu.

Khi xây dựng yêu cầu về kỹ thuật không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, đồng thời cũng không được đưa ra các yêu cầu quá cao dẫn đến làm tăng giá dự thầu hoặc làm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu; không được nêu yêu cầu về nhãn hiệu, xuất xứ cụ thể của hàng hóa, kể cả nêu tên nước, nhóm nước, vùng lãnh thổ gây ra sự phân biệt đối xử.

4. Chấn chỉnh công tác lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu. Nghiêm cấm việc đưa các điều kiện, tiêu chuẩn không phù hợp với quy định vào hồ sơ mời thầu như: yêu cầu nhân sự thực hiện gói thầu phải được đóng bảo hiểm xã hội, phải là nhân sự đang ký hợp đồng với nhà thầu, thiết bị thi công phải thuộc sở hữu của nhà thầu mà không được đi thuê, đã thực hiện hợp đồng tương tự trên một địa bàn cụ thể,... hoặc quy định năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu cao hơn mức yêu cầu của gói thầu; nghiêm cấm việc hạn chế nhà thầu mua hồ sơ tham gia đấu thầu dưới mọi hình thức để đảm bảo tính cạnh tranh trong đấu thầu, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp được tham gia đấu thầu theo đúng quy định.

Tổ chức, cá nhân vi phạm đối với việc xây dựng HSMT/HSYC, đánh giá HSDT/HSDX, tùy theo mức độ nghiêm trọng sẽ bị xử lý nghiêm theo quy định tại Điều 121 đến Điều 124 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP và quy định của pháp luật có liên quan.

5. Yêu cầu các Chủ đầu tư có trách nhiệm giải quyết kiến nghị của nhà thầu về kết quả lựa chọn nhà thầu, nội dung của hồ sơ mời thầu theo đúng quy định hiện hành; báo cáo người có thẩm quyền biết và chỉ đạo kịp thời khi cần thiết. Ngoài ra, các Chủ đầu tư cần rà soát đội ngũ cán bộ, tăng cường bồi dưỡng năng lực chuyên môn về đấu thầu và quản lý dự án để tuân thủ yêu cầu chuyên môn theo quy định; đồng thời nâng cao ý thức đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm cá nhân, đặc biệt trong công tác đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

6. Các Chủ đầu tư phải tăng cường các biện pháp nâng cao tỷ lệ tiết kiệm trong công tác đấu thầu trên tất cả các hình thức lựa chọn nhà thầu.

7. Đối với đấu thầu qua mạng: Chủ đầu tư nghiêm túc thực hiện lộ trình áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng theo Kế hoạch tổng thể và lộ trình áp dụng đấu thầu qua mạng giai đoạn 2016 - 2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1402/QĐ-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2016 và Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 08 tháng 9 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính quy định chi tiết

việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu qua mạng; trong đó từ năm 2018 trở đi thực hiện lựa chọn nhà thầu qua mạng tối thiểu 40% số lượng các gói thầu chào hàng cạnh tranh, 30% số lượng các gói thầu quy mô nhỏ đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế.

II. ĐỐI VỚI ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH

Hoạt động độc lập khi tiến hành thẩm định, bảo đảm khách quan, trung thực, công bằng. Có quyền yêu cầu Chủ đầu tư, bên mời thầu cung cấp đầy đủ các tài liệu liên quan.

Đơn vị thẩm định có quyền bảo lưu ý kiến và chịu trách nhiệm về báo cáo thẩm định. Việc thẩm định phải đảm bảo chất lượng, thời hạn và nội dung phải đầy đủ theo hướng dẫn tại Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT ngày 17/11/2015 và biểu mẫu của Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Ngoài ra, khi thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu, đơn vị thẩm định căn cứ quy định tại Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC để chủ động đề xuất áp dụng đấu thầu qua mạng đối với những gói thầu đủ điều kiện; chủ động đề xuất các hình thức lựa chọn nhà thầu có tính cạnh tranh hơn đối với những gói thầu có thể chỉ định thầu nhưng áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu khác sẽ hiệu quả hơn.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Trong công tác thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Kiểm soát chặt chẽ các nội dung chủ đầu tư đề xuất trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu đảm bảo theo quy định, nhất là các nội dung về: Phân chia dự án thành các gói thầu, giá gói thầu, nguồn vốn, hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu, thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu, loại hợp đồng, thời gian thực hiện hợp đồng,...

Khi tổ chức thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu, trường hợp Chủ đầu tư không đề xuất thực hiện lựa chọn nhà thầu qua mạng, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm xem xét, đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh lựa chọn các gói thầu thực hiện đấu thầu qua mạng nhằm đảm bảo tỷ lệ các gói thầu được tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng theo đúng lộ trình.

Phối hợp với các cơ quan liên quan, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động đấu thầu trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định của Luật đấu thầu, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 10/2016/TT-BKHĐT ngày 22/7/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, nhằm chấn chỉnh, xử lý những sai phạm, thiếu sót xảy ra trong đấu thầu; đồng thời qua công tác thanh tra, kiểm tra giúp các đơn vị hoàn thiện và đưa công tác đấu thầu được thực hiện đúng quy định và đi vào nề nếp. Trường hợp phát hiện có vi phạm pháp luật về đấu thầu, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo, đề xuất UBND tỉnh để xử lý nghiêm đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan, đặc biệt là trong công tác lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất.

Nâng cao chất lượng tham mưu về công tác đấu thầu, hướng dẫn kịp thời bằng văn bản đối với các chủ đầu tư, các đơn vị có liên quan thực hiện theo đúng quy định của Trung ương về công tác đấu thầu.

2. Sở Tài chính:

Kiểm soát chặt chẽ dự toán trong quá trình thẩm định các gói thầu mua sắm của các đơn vị, đặc biệt là các gói thầu điều chỉnh tăng so với phê duyệt ban đầu.

Trong quá trình tổ chức thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu mua sắm thường xuyên, trường hợp trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu, bên mời thầu không đề xuất thực hiện lựa chọn nhà thầu qua mạng, Sở Tài chính đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh lựa chọn các gói thầu thực hiện lựa chọn nhà thầu qua mạng đảm bảo tỷ lệ tối thiểu theo lộ trình đối với các gói thầu mua sắm sử dụng vốn sự nghiệp.

3. Sở Y tế: Chủ trì tham mưu, hướng dẫn trong công tác mua thuốc, đấu thầu thuốc theo quy định.

4. Sở Xây dựng, các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành:

Kiểm soát chặt chẽ dự toán xây dựng công trình trong quá trình thẩm tra, thẩm định dự án.

5. Thanh tra tỉnh, thanh tra chuyên ngành:

Trong các hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát cần chú trọng các nội dung liên quan đến hoạt động đấu thầu, tăng cường hoạt động xử lý vi phạm hành chính trong công tác đấu thầu.

6. Kho bạc Nhà nước: Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ trong thanh toán vốn, không thực hiện cấp phát, thanh toán vốn đối với những gói thầu sau đây:

Các gói thầu được tổ chức lựa chọn nhà thầu nhưng không có kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt theo quy định.

Các gói thầu được chọn đấu thầu qua mạng nhưng các Chủ đầu tư, bên mời thầu không thực hiện đấu thầu qua mạng mà thực hiện theo hình thức trực tiếp hoặc hình thức khác.

7. Chủ tịch UBND các huyện, các thị xã, thành phố Huế:

Chỉ đạo các Chủ đầu tư, bên mời thầu thuộc phạm vi quản lý thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật có liên quan; ban hành các giải pháp cụ thể yêu cầu các đơn vị trực thuộc thực hiện nghiêm việc lựa chọn nhà thầu qua mạng theo đúng lộ trình quy định.

8. Chủ đầu tư, bên mời thầu: Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật có liên quan; nghiêm túc chấn chỉnh trong công tác đấu thầu theo các nội dung nêu trên. Chủ động lựa chọn các gói thầu để tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng đảm bảo lộ trình theo quy định tại Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 08 tháng 9 năm 2015 của liên Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Tài chính.

9. Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện đúng nội dung Chỉ thị này và Chỉ thị số 47/CT-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Cao

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG ĐIỀN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 82/HĐND-VP
V/v đính chính Nghị quyết
số 14/2017/NQ-HĐND ngày
15/12/2017 của HĐND huyện

Phong Điền, ngày 30 tháng 01 năm 2018

Kính gửi:

- Thường trực HĐND, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế
- Các đại biểu HĐND tỉnh trúng cử tại địa bàn huyện;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT và các Ủy viên UBND huyện;
- Ban Thường trực UBMTTQVN huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện khóa VI;
- Các cơ quan, ban, ngành cấp huyện;
- TT HĐND, UBND các xã, thị trấn.

Ngày 15/12/2017, Hội đồng nhân dân huyện Phong Điền đã ban hành Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND về việc thông qua Đề án “Phát triển du lịch, dịch vụ trên địa bàn huyện Phong Điền giai đoạn 2017 - 2020”.

Do sơ xuất trong quá trình đánh máy nên đã ghi tại Điều 1, khoản 3 là:

Tổng kinh phí thực hiện: **7.980.000.000** đồng, trong đó:

- Ngân sách nhà nước (huyện, xã): 7.395.000.000 đồng
- Nguồn huy động khác: 650.000.000 đồng

Nay Hội đồng nhân dân huyện đính chính lại là:

Tổng kinh phí thực hiện: **8.045.000.000** đồng, trong đó:

- Ngân sách nhà nước (huyện, xã): 7.395.000.000 đồng
- Nguồn huy động khác: 650.000.000 đồng

(Kèm theo phụ lục đã đính chính)

Hội đồng nhân dân huyện thông báo đến các đại biểu HĐND huyện, quý cơ quan biết và hiệu chỉnh./.

**TM. THƯỜNG TRỰC HĐND
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Ngọc Sơn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG ĐIỀN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 83/HĐND-VP
V/v đình chính Nghị quyết số
16/2017/NQ-HĐND ngày
15/12/2017 của HĐND huyện

Phong Điền, ngày 30 tháng 01 năm 2018

Kính gửi:

- Thường trực HĐND, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế
- Các đại biểu HĐND tỉnh trú tại địa bàn huyện;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT và các Ủy viên UBND huyện;
- Ban Thường trực UBMTTQVN huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện khóa VI;
- Các cơ quan, ban, ngành cấp huyện;
- TT HĐND, UBND các xã, thị trấn.

Ngày 15/12/2017, Hội đồng nhân dân huyện Phong Điền đã ban hành Nghị quyết số 16/2017/NQ-HĐND về việc thông qua Đề án “Tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp toàn diện theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2025”

Do sơ xuất trong quá trình đánh máy nên đã ghi tại Điều 1, khoản 5 là:

Tổng kinh phí thực hiện: 520,544 tỷ đồng

(Năm trăm hai mươi tỷ, năm trăm bốn mươi bốn triệu đồng)

Trong đó:

- Nguồn vốn từ ngân sách huyện, xã: 64,315 tỷ đồng
- Nguồn vốn khác: 207,549 tỷ đồng
- Nguồn vốn đề nghị hỗ trợ từ cấp tỉnh: 248,680 tỷ đồng

Nay Hội đồng nhân dân huyện đình chính lại là:

Tổng kinh phí thực hiện: 520,544 tỷ đồng

(Năm trăm hai mươi tỷ, năm trăm bốn mươi bốn triệu đồng)

Trong đó:

- Nguồn vốn từ ngân sách huyện, xã: 64,315 tỷ đồng
- Nguồn vốn khác: 207,549 tỷ đồng
- Nguồn vốn đề nghị hỗ trợ từ cấp trên: 248,680 tỷ đồng

Hội đồng nhân dân huyện thông báo đến các đại biểu HĐND huyện, quý cơ quan biết và hiệu chỉnh./.

TM. THƯỜNG TRỰC HĐND
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Ngọc Sơn

VĂN PHÒNG UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ XUẤT BẢN

Địa chỉ: 16 Lê Lợi, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Điện thoại liên hệ: 0234.3834537; Fax: 0234.3834537

Email: congbao@thuathienhue.gov.vn;

Website: <http://congbao.thuathienhue.gov.vn>;

In tại: Công ty CP In và Sản xuất bao bì Huế.